

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG**  
[www.seadanang.com.vn](http://www.seadanang.com.vn)



BÁO  
CÁO  
THƯỜNG  
NIÊN  
NĂM  
2017



SEADANANG

---

# MỤC LỤC

01

---

**THÔNG TIN  
CHUNG**

13

---

**TỔ CHỨC VÀ  
NHÂN SỰ**

37

---

**BÁO CÁO CỦA  
HỘI ĐỒNG  
QUẢN TRỊ**

41

---

**BÁO CÁO  
PHÁT TRIỂN  
BỀN VỮNG**



**21**

---

**TÌNH HÌNH  
HOẠT ĐỘNG  
TRONG NĂM**

**31**

---

**BÁO CÁO CỦA  
BAN TỔNG  
GIÁM ĐỐC**

**47**

---

**QUẢN TRỊ  
CÔNG TY**

**57**

---

**BÁO CÁO  
TÀI CHÍNH**



# THÔNG TIN CHUNG



- ✓ Thông tin khái quát
- ✓ Quá trình hình thành và phát triển
- ✓ Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- ✓ Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
- ✓ Định hướng phát triển
- ✓ Rủi ro



## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- **Tên công ty** : CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG
- **Tên giao dịch** : SEADANANG
- **Giấy CNĐKDN** : Số 0400100778 cấp lần đầu ngày 14/12/2006, thay đổi lần thứ 18 ngày 08/03/2017
- **Vốn điều lệ** : 120.000.000.000đ
- **Địa chỉ** : Số 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng
- **Số điện thoại** : (0236) 3823041/ 3824160
- **Số fax** : (0236) 3823769/ 3921958
- **Website** : [www.seadanang.com.vn](http://www.seadanang.com.vn)
- **Email** : [info@seadanang.com.vn](mailto:info@seadanang.com.vn)
- **Mã cổ phiếu** : **SPD**
- **Sàn giao dịch** : UPCoM
- **Logo Công ty** :





## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



**26/02/1983**

Chi nhánh Xuất Khẩu Thủy Sản Đà Nẵng, tiền thân của Công ty XNK Thủy Sản Miền Trung thành lập.



**31/03/1993**

Công ty XNK Thủy Sản Miền Trung được thành lập theo quyết định số 242/TS-QĐ của Bộ Thủy Sản, là doanh nghiệp Nhà nước, hạch toán độc lập. Công ty có quyền tự chủ về tài chính được thành lập và tổ chức hoạt động kinh doanh chủ yếu trong lĩnh vực thủy sản và phục vụ sản xuất kinh doanh thủy sản.



**21/10/2005**

Công ty XNK Thủy Sản Miền Trung thực hiện cổ phần hoá theo chủ trương của Nhà nước về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp, theo quyết định số 1226/QĐ-BTS Bộ Thủy Sản.



**09/12/2006**

Công ty đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thành lập Công ty cổ phần XNK Thủy sản Miền Trung, và ngày 01/01/2007, Công ty cổ phần XNK Thủy sản Miền Trung chính thức hoạt động với vốn điều lệ 55 tỷ đồng.



**22/09/2008**

Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định cấp giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 335/UBCK-GCN cho Công ty CP XNK Thủy Sản Miền Trung. Theo đó, ngày 04/11/2008, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ mức 55 tỷ đồng lên 75,6 tỷ đồng và đã có báo cáo bằng văn bản gửi Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng.



**16/03/2010**

Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội chấp thuận giao dịch cổ phiếu của Seadanang (mã SPD) trên sàn UPCoM. Ngày 22/04/2010, Công ty đã có phiên giao dịch đầu tiên thành công trên sàn UPCoM.





**22/12/2011**

Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định cấp giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 130/UBCK-GCN cho Công ty CP XNK Thủy Sản Miền Trung. Theo đó, ngày 24/03/2012, Công ty đã kết thúc đợt tăng vốn điều lệ từ 75,6 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng và đã có báo cáo bằng văn bản gửi Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng.



**23/07/2015**

Chuyển đổi từ Công ty có vốn nhà nước chi phối sang công ty cổ phần nhà nước không chi phối. Ngày 14/10/2015 Công ty thực hiện bổ nhiệm lại HĐQT và các vị trí quản lý cấp cao, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức nhân sự. Sau đó thay đổi tên viết tắt của công ty từ Seaprodex Đà Nẵng thành Seadanang và thay đổi logo.



**08/01/2016**

Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước nhận được đầy đủ hồ sơ đăng ký chào bán riêng lẻ theo Giấy đăng ký chào bán cổ phần riêng kể ngày 07/12/2015 của Công ty CP XNK Thủy Sản Miền Trung. Ngày 04/02/2016, Công ty đã phát hành thành công 02 triệu cổ phiếu nâng vốn điều lệ lên mức 120 tỷ đồng. Đồng thời thực hiện báo cáo bằng văn bản gửi Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ.



**Đến nay**

Đến thời điểm hiện nay, Công ty vẫn đang giữ nguyên mức vốn điều lệ như trên là 120 tỷ đồng và không ngừng phấn đấu nhằm hoàn thành tốt các mục tiêu hoạt động hàng năm được ĐHĐCĐ giao phó cũng như đảm bảo được các nghĩa vụ đóng góp vào Ngân sách Nhà nước.

## Các thành tích trong quá trình hoạt động:

- ✓ Danh hiệu anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới (2000).
- ✓ Huân chương lao động hạng nhất (2003), hạng nhì (1998), hạng ba (1992).
- ✓ Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín (2004-2007) do Bộ Thương mại xét chọn.
- ✓ Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín 13 năm liền do Bộ Công Thương xét chọn.
- ✓ Bên cạnh đó, Công ty được công nhận là doanh nghiệp có mối quan hệ lao động tốt thông qua các Bằng khen của UBND Thành phố Đà Nẵng về thành tích "Xuất sắc - tiêu biểu trong việc bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động", "Xuất sắc trong thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở" được "Tôn vinh Doanh nghiệp chăm lo tốt đời sống người lao động" và "Doanh nghiệp tiêu biểu" do Liên đoàn Lao động Thành Phố Đà Nẵng trao tặng.



## NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

### Ngành nghề kinh doanh:

- ✓ **Chế biến, xuất khẩu thủy sản đông lạnh (Tôm, mực, cá)**

Sản phẩm chủ đạo của Công ty ngoài tôm thẻ chân trắng, còn có các mặt hàng thủy sản giá trị gia tăng truyền thống khác như cá Hồ, cá Nhồng và mực các loại... Các sản phẩm của Công ty được tiêu thụ với doanh số lớn ở nhiều thị trường trên toàn thế giới bao gồm Nhật, Châu Âu, Mỹ, Châu Á, Châu Úc...

- ✓ **Kinh doanh vật tư nhập khẩu (Hạt nhựa, sắt thép, hóa chất...)**

Kinh doanh vật tư nhập khẩu là lĩnh vực kinh doanh truyền thống, chuyên nghiệp của Seadanang với hơn 30 năm kinh nghiệm, đã khẳng định được thương hiệu, uy tín của một nhà cung cấp, một nhà bán buôn và bán lẻ lớn của các đối tác, khách hàng trong và ngoài nước. Công ty chuyên kinh doanh nhập khẩu các loại vật tư cho ngành công nghiệp nhựa, sắt thép, hàng tiêu dùng, thiết bị văn phòng, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất...

- ✓ **Sản xuất kinh doanh thức ăn nuôi thủy sản; gia công thức ăn gia súc, gia cầm**

Công ty sản xuất, kinh doanh các loại thức ăn nuôi tôm, cá trên dây chuyền thiết bị công nghệ tiên tiến, theo qui trình kiểm soát chặt chẽ, hệ số tiêu tốn thức ăn tối ưu, tổng hợp đầy đủ nhu cầu dinh dưỡng cho thủy sản nuôi. Ngoài ra còn thực hiện các dịch vụ kỹ thuật công nghệ, vật tư, thiết bị phục vụ nuôi trồng thủy sản.





### ✓ Dịch vụ cho thuê kho lạnh

Công ty có hệ thống kho lạnh tại Đà Nẵng có công suất trên 4000 tấn. Với năng lực thiết bị tốt, Công ty có thể cung cấp các dịch vụ cấp đông và bảo quản lạnh các loại hàng hóa như thủy sản, nông sản, súc sản và nhiều loại thực phẩm cần bảo quản lạnh của khách hàng.

### Địa bàn kinh doanh:

- ✓ Thành phố Đà Nẵng (hoạt động chế biến, xuất khẩu thủy sản)
- ✓ Thành phố Hồ Chí Minh (hoạt động kinh doanh vật tư nhập khẩu)
- ✓ Tỉnh Quảng Nam (hoạt động sản xuất chế biến thức ăn nuôi thủy sản)



## MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

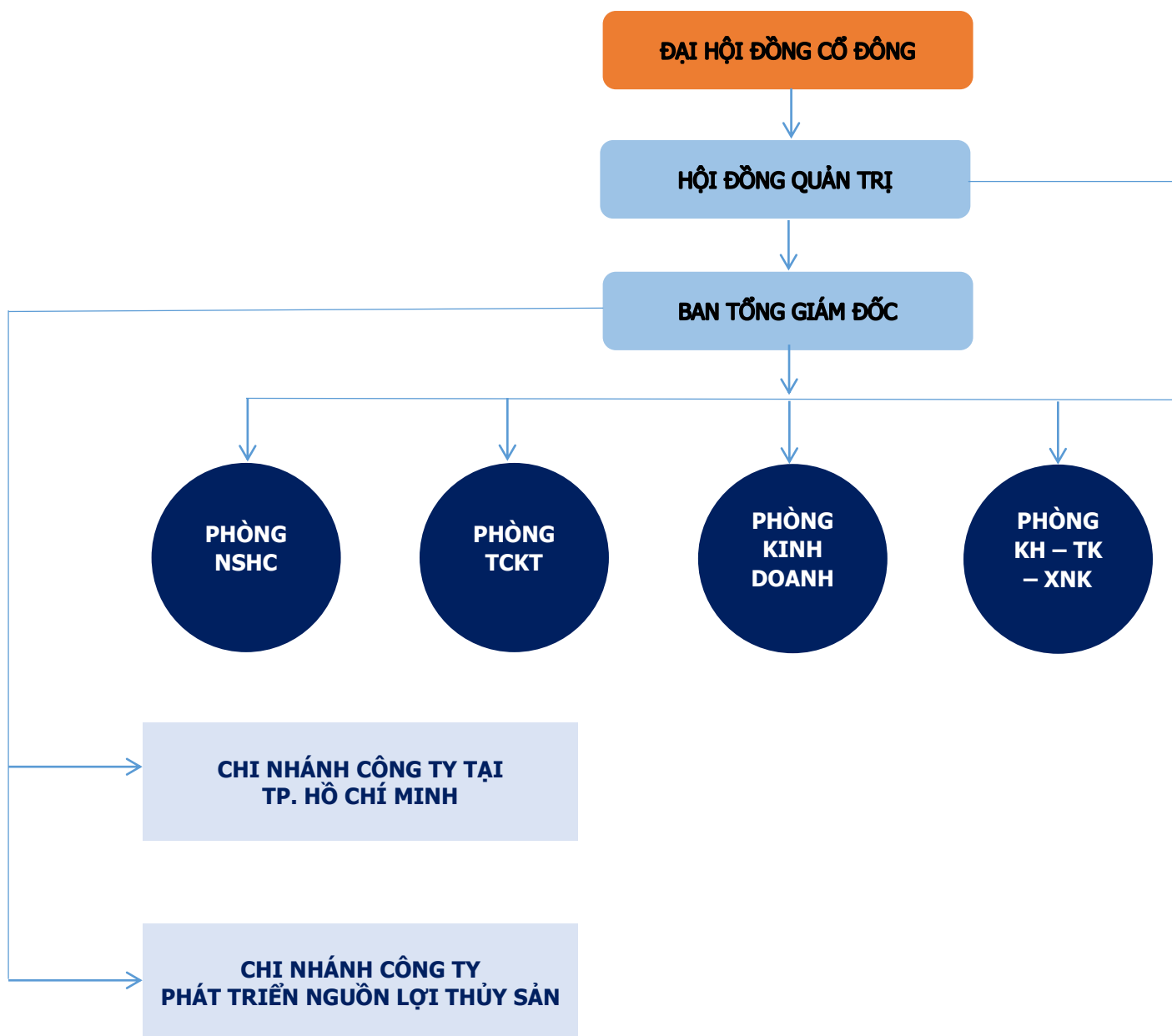
### Mô hình quản trị:

- ✓ Mô hình quản trị doanh nghiệp bao gồm: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng Quản trị; Ban Kiểm soát; Ban Điều hành.

### Cơ cấu tổ chức:

- ✓ Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.
- ✓ Tổng Giám đốc Công ty quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của Công ty thông qua các Phó Tổng Giám đốc.





### Công ty liên kết:

- ✓ Tháng 09/2016 Seadanang liên kết với Công ty TNHH Bất động sản New City Seadanang. Đây là đối tác của công ty để hợp tác kinh doanh với giá trị tài sản đưa vào góp vốn của Công ty CP XNK Thủy Sản Miền Trung tại Công ty cổ phần liên kết mới này là 30 tỷ đồng.

**Các công ty con:** Không có.



**BAN KIỂM SOÁT**

**PHÒNG  
MUA  
HÀNG**

**PHÒNG  
KỸ  
THUẬT**

**PHÒNG  
QL CHẤT  
LƯỢNG**

**PHÒNG  
SẢN  
XUẤT**

**CHI NHÁNH CÔNG TY  
CÔNG TY CB & XUẤT KHẨU THỦY  
SẢN THỌ QUANG (DL190)**

**NHÀ MÁY CHẾ BIẾN THỦY SẢN  
ĐẶC SẢN (DL10)**

**NHÀ MÁY CHẾ BIẾN THỦY SẢN  
SƠN TRÀ (DL506)**



## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Công ty xác định trọng tâm hoạt động của Công ty là chế biến - xuất khẩu thủy sản với phương châm "Sự hài lòng của khách hàng là thành công của công ty", tiếp tục thực hiện tái cấu trúc công ty nhằm khai thác có hiệu quả tài sản hiện có, bảo toàn vốn và thực hiện mạnh mẽ mục tiêu tăng hiệu quả kinh doanh.

**Tâm nhìn:** Trở thành doanh nghiệp tiêu biểu vì cuộc sống lành mạnh – Vì lợi tức của nhà đầu tư – Nơi đáng tin cậy.

**Sứ mệnh:** Seadanang cam kết cung cấp cho người tiêu dùng những sản phẩm/dịch vụ có chất lượng tốt với tất cả sự nỗ lực, cố gắng và trách nhiệm đối với cuộc sống con người và xã hội.

### Giá trị cốt lõi:

- ✓ Đầu tư vào con người là đầu tư vào chất lượng công việc, chất lượng sản phẩm;
- ✓ Lấy chữ tín đối với khách hàng và các bên liên quan làm phương châm hoạt động;
- ✓ Lấy các giá trị "đoàn kết - năng động - chuyên nghiệp" làm nền tảng văn hóa doanh nghiệp;
- ✓ Hợp tác cùng phát triển là môi trường và sức mạnh để tồn tại và cạnh tranh lành mạnh hướng vào thị trường và phát triển bền vững.

### Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- ✓ Công ty quan tâm đến việc phấn đấu đạt các tiêu chuẩn quốc tế về quản lý chất lượng và môi trường.
- ✓ Các nhà máy của Seadanang luôn phấn đấu tạo ra một môi trường làm việc an toàn và sạch sẽ.
- ✓ Công ty đầu tư những máy móc thiết bị tiên tiến, tiết kiệm nhiên liệu và điện năng góp phần giảm thải các khí gây hiệu ứng nhà kính như carbon dioxide, methane...
- ✓ Là một công ty chuyên sản xuất chế biến thủy hải sản, Seadanang không chỉ chú trọng về vệ sinh thực phẩm làm ra mà còn đặt yếu tố thân thiện với môi trường lên hàng đầu.





- ✓ Tất cả các nhà máy của Seadanang đều thực hiện đầy đủ các quy định, yêu cầu về các đánh giá tác động đối với môi trường.
- ✓ Nhà máy đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải công suất 1.000m<sup>3</sup>/ngày đêm, đạt tiêu chuẩn đầu ra của Việt Nam.
- ✓ Nhà máy ưu tiên sử dụng các loại bao bì thân thiện với môi trường: công ty sử dụng bao bì có trọng lượng nhẹ, có thể tái chế hoặc có thể tự hủy để bảo vệ môi trường.
- ✓ Từng bước nâng cao đời sống người lao động về vật chất và tinh thần, đảm bảo việc làm cho người lao động, những chế độ liên quan đến Nhân sự để tạo nên những giá trị cốt lõi.







### Rủi ro kinh tế

Những năm gần đây, kinh tế Việt Nam có tốc độ phát triển khá tốt. Bước vào năm 2017, kinh tế vĩ mô nước ta được đánh giá là ổn định khi tổng sản phẩm quốc nội (GDP) ước tính tăng 6,81% so với năm 2016. Trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có mức tăng khá cao đặc biệt là ngành thủy sản, đây cũng là lĩnh vực được nhận định là có nhiều khởi sắc trong năm qua.

Là một bộ phận của nền kinh tế, Seadanang không ngoại lệ khi cũng chịu tác động chung bởi những rủi ro mà các doanh nghiệp hoạt động cùng lĩnh vực phải đối mặt. Điều này sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả kinh doanh của Công ty. Chính vì thế, Ban lãnh đạo SPD luôn theo sát và cập nhật liên tục tình hình kinh tế vĩ mô nhằm kịp thời nhận diện được cả cơ hội lẫn thách thức để có các kế hoạch tận dụng cũng như ứng phó nhanh chóng đảm bảo được mục tiêu kinh doanh đã đề ra.

### Rủi ro pháp luật

Rủi ro về pháp luật là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng chung đến toàn ngành. Những thay đổi trong chính sách quản lý của Nhà nước đều có những tác động nhất định đến hoạt động của Công ty. Seadanang là Công ty đại chúng quy mô lớn đã có cổ phiếu được đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM, hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định, Thông tư và các văn bản khác. Bên cạnh đó, do hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu công ty sẽ chịu sự quản lý trực tiếp của các văn bản luật liên quan đến hoạt động này. Thời gian gần đây, nhằm cải thiện và chuẩn hóa hành lang pháp lý phục vụ cho quá trình hội nhập, những văn bản pháp luật nêu trên liên tục có sự thay đổi. Điều này ít nhiều tạo nên sự khó khăn cho Công ty trong việc tuân thủ tất cả các quy định nhưng vẫn phải duy trì hoạt động hiệu quả.

Vấn đề đặt ra cho Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung là phải có những chiến lược, kế hoạch phát triển trung và dài hạn thích hợp với các thay đổi. Do đó trong quá trình hoạt động, SPD luôn cập nhật liên tục sự thay đổi các quy định pháp luật điều chỉnh về tổ chức hoạt động của mình để có được kế hoạch áp dụng hiệu quả góp phần giữ vững và ngày càng nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh.



## Rủi ro đặc thù ngành

Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung hoạt động theo quy trình: sản xuất - chế biến - xuất khẩu nên doanh nghiệp có những rủi ro đặc thù như sau:

**Rủi ro về nguyên liệu:** Một yếu tố rủi ro quan trọng trong hoạt động sản xuất chế biến của Seadanang đó là nguyên liệu đầu vào (tôm thẻ chân trắng),... Sự biến đổi tích cực hay tiêu cực nào của nguồn nguyên liệu đều ảnh hưởng đến quá trình sản xuất của Công ty. Yếu tố này lại phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện thời tiết, nguồn nước, chất lượng con giống,... Tuy nhiên trong năm qua, theo thống kê của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam thì sản lượng tôm thu hoạch có sự chuyển biến tích cực hơn so với năm trước từ đó tạo điều kiện thuận lợi để Công ty đạt được sự tăng trưởng trong sản lượng tôm chế biến và xuất khẩu.

**Rủi ro về thị trường xuất khẩu:** Đối với Ngành thủy sản Việt Nam, thị trường vừa là yếu tố quyết định đến khả năng tăng trưởng vừa gắn liền với các yếu tố rủi ro ngành. Trong giai đoạn này, Việt Nam đã mở rộng xuất khẩu hàng thủy sản đến 50 thị trường trên thế giới. Những thị trường chính đem lại nguồn lợi lớn là Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Canada, Đức, Australia... Trong đó, Mỹ, EU là thị trường tiêu thụ lớn nhất mặt hàng thủy sản Việt Nam và Trung Quốc cũng đang là thị trường tiềm năng của nước ta. Thói quen tiêu dùng của mỗi nước chính là rào cản thâm nhập thị trường cũng như quyết định sự tồn tại và phát triển của sản phẩm. Bên cạnh đó, những quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, các rào cản thương mại, phi thuế quan (kiện bán phá giá), ký quỹ ... là những nhân tố có thể ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

## Rủi ro tỷ giá hối đoái

Hoạt động của Công ty liên quan nhiều đến lĩnh vực xuất nhập khẩu, nên sự biến động của tỷ giá hối đoái trên thị trường, chính sách tiền tệ của Nhà nước, sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Seadanang. Năm vừa qua, tỷ giá ổn định không dao động nhiều. Điều này giúp Công ty vững vàng hơn trong hoạt động kinh doanh của mình.

## Rủi ro môi trường

Trong quá trình hoạt động, Công ty không tránh khỏi có những tác động nhất định đến môi trường xung quanh khu vực nhà máy chế biến thủy sản. Chính vì thế Seadanang luôn ý thức và tuân thủ các quy định về môi trường trong việc kiểm tra chất lượng sản phẩm và bảo quản nguyên vật liệu. Hệ thống công nghệ được Công ty sử dụng được đánh giá là thân thiện với môi trường. Dù vậy, SPD vẫn không ngừng nghiên cứu, cải tiến kỹ thuật để giảm thiểu những rủi ro gây ra ô nhiễm tại khu vực sản xuất.

## Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro trên, còn có một số rủi ro bất khả kháng như chiến tranh, thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sóng thần... nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại về tài sản, con người nói riêng cũng như tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nói chung. Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy, ... đồng thời linh hoạt trong điều chỉnh kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu, thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho hàng hoá và tài sản của Công ty.

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



- ✓ Hội đồng quản trị
- ✓ Ban kiểm soát
- ✓ Ban Tổng Giám đốc
- ✓ Những thay đổi trong ban điều hành, HĐQT & BKS
- ✓ Tình hình nhân sự và chính sách đối với người lao động



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Cơ cấu Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Thái Bá Nam	Chủ tịch
Ông Lê Mạnh Thường	Thành viên
Bà Trần Như Thiên My	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tân	Thành viên

#### ✓ Ông Thái Bá Nam – Chủ tịch HĐQT

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Đại diện phần vốn: 2.447.538 cổ phần - tỷ lệ 20,4% vốn điều lệ

Chức vụ tại công ty khác:

- + Phó Tổng giám đốc chuyên trách tại Tổng công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty cổ phần
- + Thành viên HĐQT CTCP Thủy sản Năm Căn
- + Thành viên HĐQT CTCP Đồ hộp Hạ Long
- + Chủ tịch HĐQT CTCP Công nghiệp Thủy sản
- + Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP XNK Thủy sản Hà Nội

#### ✓ Ông Lê Mạnh Thường – Thành viên HĐQT

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Đại diện phần vốn: 600.000 cổ phần - tỷ lệ 5,00% vốn điều lệ

Chức vụ tại công ty khác:

- + Chủ tịch HĐQT CTCP Trường Mạnh Holdings Việt Nam
- + Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư và phát triển Đưc Quân
- + Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư và phát triển BĐS An Phú
- + Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư New City Seadanang
- + Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chiếu sáng Công cộng TP HCM

✓ **Bà Trần Như Thiên Mỹ - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 25.000 cổ phần - tỷ lệ 0,21% vốn điều lệ

Đại diện phần vốn: 350.000 cổ phần - tỷ lệ 2,90% vốn điều lệ

Chức vụ tại công ty khác: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Đầu tư và phát triển BĐS An Phú

✓ **Ông Nguyễn Văn Tân – Thành viên HĐQT**

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Đại diện phần vốn: 1.800.000 cổ phần - tỷ lệ 15 % vốn điều lệ

Chức vụ tại công ty khác: Thành viên HĐQT, kiêm Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty Cổ phần



## BAN KIỂM SOÁT

### Cơ cấu Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Dương An	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Phạm Khánh Tâm	Thành viên
Ông Trần Phước Thái	Thành viên

✓ **Ông Nguyễn Dương An – Trưởng Ban kiểm soát**

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Đại diện phần vốn: 0 cổ phần

Chức vụ tại công ty khác: Không

✓ **Bà Phạm Khánh Tâm – Thành viên BKS**

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Đại diện phần vốn: 0 cổ phần

Chức vụ tại công ty khác:

+ Trưởng Ban kiểm soát nội bộ và tuân thủ Công ty CP Trường Mạnh Holdings Việt Nam

+ Trưởng Ban kiểm soát CTCP Đầu tư và phát triển Đức Quân

+ Thành viên Ban kiểm soát CTCP Đầu tư New City Seadanang





✓ Ông Trần Phước Thái – Thành viên BKS

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Đại diện phần vốn: 120.000 cổ phần - tỷ lệ 1 % vốn điều lệ

Chức vụ tại công ty khác: Trưởng Phòng Quản lý vốn Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty Cổ phần



## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Cổ phần sở hữu
Bà Trần Như Thiên My	Tổng Giám đốc	25.000 CP - 0,21% vốn điều lệ
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	33.690 CP – 0,28% vốn điều lệ
Ông Nguyễn Minh Chánh	Phó Tổng Giám đốc	22.000 CP – 0,18% vốn điều lệ
Ông Lê Thanh Phương	Kế toán trưởng	-

✓ Bà Trần Như Thiên My – Tổng Giám đốc

Giới tính: Nữ

Năm sinh: 11/06/1969

Nguyên quán: Ninh Hòa, Khánh Hòa

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán tài chính – Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Quá trình công tác:

- ❖ 1991 – 11/1993 Kế toán – SeaproDEX Nha Trang
- ❖ 12/1993 – 10/2003 Kế toán – Công ty XNK Thủy Sản Miền Trung (SeaproDEX Danang)
- ❖ 11/2003 – 2006 Thư ký, trợ lý Giám đốc -SeaproDEX Danang
- ❖ 01/2007 – 08/2007 Phó Ban TCKHĐT (SeaproDEX Danang)
- ❖ 09/2007 – 2009 Phó Giám đốc Công ty CB & XK Thủy Sản Thọ Quang (SeaproDEX Danang)
- ❖ 01/2010 – 09/2012 Kế toán trưởng Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung
- ❖ 10/2012 – 03/2017 Phó Tổng Giám đốc Công ty CP XNK Thủy Sản Miền Trung
- ❖ 10/2012 – 03/2017 Tổng Giám đốc Công ty CP XNK Thủy Sản Miền Trung
- ❖ 05/2017 – Nay Thành viên HĐQT Công ty CP XNK Thủy Sản Miền Trung

✓ Ông Nguyễn Anh Tuấn – Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam  
Năm sinh: 31/12/1970  
Nguyên quán: Quế Sơn, Quảng Nam  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế  
Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc



Quá trình công tác:

- ❖ 08/1994 – 04/1999 Chuyên viên Phòng Kế hoạch Xí nghiệp chế thủy sản 86
- ❖ 05/1999 – 09/2003 Phó Phòng Kế hoạch Xí nghiệp chế thủy sản 86
- ❖ 10/2003 – 12/2006 Trưởng Phòng Kế hoạch Xí nghiệp chế thủy sản 86
- ❖ 01/2007- 09/2012 Phó Giám đốc Công ty CB & XK Thủy sản Thọ Quang
- ❖ 10/2012 - Nay Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung

✓ Ông Nguyễn Minh Chánh – Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam  
Năm sinh: 11/09/1960  
Nguyên quán: Đại Hòa – Quảng Nam  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế  
Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc

Quá trình công tác:

- ❖ 1983 - 1990 Nhân viên Phòng kế hoạch TP Đà Nẵng – QNĐN
- ❖ 1990 - 2005 Phó Giám Đốc Xí nghiệp 10 – Công ty XNK thủy sản Miền Trung
- ❖ 2005 - 12/2013 Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty - Công ty CB & XK Thủy sản Thọ Quang
- ❖ 01/2014 - Nay Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung



✓ Ông Lê Thanh Phương – Kế toán trưởng

Giới tính: Nam  
Năm sinh: 20/10/1977  
Nguyên quán: Điện Phương, Điện Bàn, Quảng Nam  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế  
Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng

Quá trình công tác:

- ❖ 2000 – 2001 Nhân viên kế toán Công ty tại Đà Nẵng
- ❖ 2002 – 2005 Phó phòng kế toán, quyền kế toán trưởng Chi nhánh Công ty Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Cam Ranh thuộc Công ty XNK Thủy sản Miền Trung
- ❖ 2005 – 2007 Phó phòng kế toán, quyền Kế toán trưởng tại Công ty Chế biến và xuất khẩu thủy sản Thọ Quang
- ❖ 2007 – 10/2012 Kế toán trưởng Chi nhánh Công ty CB & XK Thủy sản Thọ Quang thuộc Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung
- ❖ 10/2012 – Nay Kế toán trưởng Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung



## NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH, HĐQT & BKS

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/05/2017, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được bầu lại nhiệm kỳ mới (NK III: 2017-2022), Cụ thể:

**Hội đồng quản trị bao gồm:**

- ✓ Ông Thái Bá Nam – Chủ tịch
- ✓ Ông Ngô Trí Dũng – Thành viên
- ✓ Bà Trần Như Thiên Mỹ – Thành viên
- ✓ Ông Nguyễn Đức Cảnh – Thành viên
- ✓ Ông Nguyễn Văn Tân – Thành viên

**Ban kiểm soát:**

- ✓ Ông Nguyễn Dương An – Trưởng Ban
- ✓ Bà Phạm Khánh Tâm – Thành viên
- ✓ Ông Trần Phước Thái – Thành viên

Theo Nghị quyết HĐQT số 12A/2017/NQ-HĐQT ngày 28/09/2017 v/v chấp nhận đơn từ nhiệm TV HĐQT CTCP XNK Thủy sản Miền Trung của Ông Nguyễn Đức Cảnh.

Theo Nghị quyết HĐQT số 12B/2017/NQ-HĐQT ngày 28/09/2017 v/v chấp thuận bổ sung Ông Lê Mạnh Thường làm TV HĐQT CTCP XNK Thủy sản Miền Trung thay cho Ông Nguyễn Đức Cảnh.

Theo Nghị quyết HĐQT số 01C/2018/NQ-HĐQT ngày 09/01/2018 v/v nhận đơn từ nhiệm TV HĐQT CTCP XNK Thủy sản Miền Trung của Ông Ngô Trí Dũng.

Ngoài ra, ngày 05/02/2018 Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung nhận được đơn từ nhiệm của Ông Nguyễn Dương An và đã thực hiện Công bố thông tin đúng quy định. Vấn đề này sẽ được trình xin ý kiến tại đại hội đồng cổ đông thường niên 2018.



## TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

### Tình hình nhân sự

Tính đến ngày 31/12/2017, tình hình lao động tại Công ty như sau:

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ trọng (%)
<b>I</b>	<b>Phân loại theo giới tính</b>	<b>697</b>	<b>100%</b>
1	Nam	224	32,14%
2	Nữ	473	67,86%
<b>II</b>	<b>Phân loại theo trình độ</b>	<b>697</b>	<b>100%</b>
1	Trình độ trên Đại học	3	0,43%
2	Trình độ đại học	63	9,04%
3	Trình độ cao đẳng	23	3,30%
4	Trình độ trung cấp	28	4,02%
5	Tốt nghiệp Trung học phổ thông	113	16,21%
6	Chưa tốt nghiệp trung học phổ thông	467	67,00%
<b>III</b>	<b>Phân loại theo hợp đồng lao động</b>	<b>697</b>	<b>100%</b>
1	Hợp đồng không thời hạn	283	40,60%
2	Hợp đồng thời hạn từ 01 - 03 năm	299	42,90%
3	Hợp đồng dưới 01 năm	115	16,50%

### Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm (đồng/tháng/người)

STT	Năm	Mức lương bình quân
2	2015	5.226.788
3	2016	5.593.064
4	2017	6.798.354



## Chính sách đối với người lao động

Nhằm tạo điều kiện tốt nhất phù hợp với đặc thù sản xuất để công nhân viên phát huy tối đa năng lực chuyên môn, năng suất lao động và khả năng sáng tạo, Seadanang luôn cố gắng xây dựng một môi trường làm việc năng động, thông thoáng, chuyên nghiệp và không ngừng hoàn thiện chính sách cho người lao động ngày càng tốt đẹp hơn thông qua việc thực hiện đúng và đầy đủ các chế độ, chính sách cho người lao động theo quy định của Pháp luật như Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, nâng bậc nghề, các chế độ ốm đau, thai sản, bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật, thực hiện các suất ăn tăng giờ, tăng ca... Cụ thể:

- ✓ Đảm bảo 100% cán bộ công nhân viên của Công ty vào làm việc từ 3 tháng trở lên được ký kết hợp đồng lao động và tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp.
- ✓ Thực hiện mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể cán bộ công nhân viên.
- ✓ Nâng lương, thi nâng bậc nghề cho người lao động thực hiện đúng quy trình, quy định của pháp luật.
- ✓ Trang bị đầy đủ BHLĐ theo quy định của ngành, đảm bảo ATVSLĐ lao động.
- ✓ Thực hiện đúng chế độ thai sản, nuôi con nhỏ, nghỉ việc riêng ...
- ✓ Công ty đài thọ 100% chi phí cơm ca cho tất cả CBCNV, người lao động.
- ✓ Hỗ trợ 100% chi phí đào tạo, nâng cao tay nghề, thi bậc nghề cho công nhân trực tiếp sản xuất.
- ✓ Trang bị bảo hộ lao động, các phương tiện bảo vệ cá nhân tại nơi làm việc theo yêu cầu ngành nghề, đảm bảo chất lượng, khám sức khỏe 2 lần/ năm cho người lao động.

Những chính sách trên cho thấy Công ty đã rất chú trọng đến việc tạo điều kiện nâng cao công suất và cải thiện điều kiện nhà máy, đồng thời cũng đã gánh khá nhiều chi phí trong kỳ kinh doanh. Bên cạnh đó, việc cải thiện đời sống tinh thần cho người lao động luôn được chú trọng, giờ nghỉ trưa có trang bị nhạc tại nhà ăn, khuôn viên Công ty được sắp xếp, trang trí lại, sân vườn sinh động hơn, bảo hộ lao động được thay đổi mới, đồng phục Công ty được trang bị cùng bảng tên cho nhân viên văn phòng, bàn ghế làm việc văn phòng được thay đổi (có sự tài trợ của TV HĐQT)... Nhà xưởng nay rất gọn gàng, sạch sẽ thực sự là kết quả của những đổi mới tốt và qua đó mang lại một giá trị giáo dục không nhỏ cho người lao động.







## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- ✓ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- ✓ Tình hình hoạt động đầu tư
- ✓ Tình hình tài chính
- ✓ Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư của chủ sở hữu



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### Cơ cấu doanh thu:

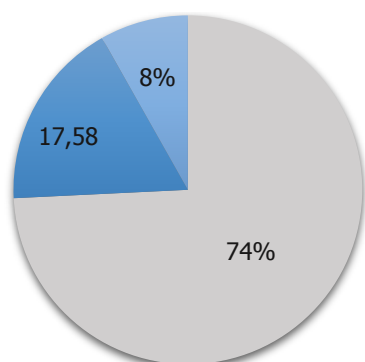
Nội dung	Năm 2017 (tỷ đồng)	Năm 2016 (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%) Năm 2017	Tỷ trọng (%) Năm 2016
Từ HĐ CB-XK Thủy sản	748,90	535,34	<b>74,23</b>	<b>53,25</b>
Từ XK thủy sản (khác)	32,70	18,17	3,24	1,81
Từ KD vật tư (DN,HP,CNSG)	177,32	355,53	<b>17,58</b>	<b>35,37</b>
Từ SXKD thức ăn nuôi TS	22,48	29,72	2,23	2,96
Từ HĐ kinh doanh kho vận	9,06	11,66	0,90	1,16
Từ DT tài chính	14,35	6,54	1,42	0,65
DT cho thuê nhà	3,46	4,20	0,34	0,42
Từ thu nhập khác	0,58	0,43	0,06	0,04
Từ nhượng bán CP, BĐS	-	43,70	-	<b>4,35</b>
<b>Cộng</b>	<b>1.008,85</b>	<b>1.005,29</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>

### Cơ cấu lợi nhuận:

Nội dung	Năm 2017 (tỷ đồng)	Năm 2016 (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%) 2017	Tỷ trọng (%) 2016
Từ HĐ CB-XK Thủy sản	16,55	(9,17)	115,19	(103,01)
Từ XK thủy sản (khác)	0,00	0,07	0,00	0,75
Từ KD vật tư (DN,HP,CNSG)	(5,40)	(28,91)	(37,59)	(324,80)
Từ SXKD thức ăn nuôi TS	1,31	2,44	9,11	27,45
Từ HĐ kinh doanh kho vận	2,91	3,84	20,28	43,12
Từ nhượng bán CP, BĐS	-	43,30	-	486,55
<b>Cộng</b>	<b>14,36</b>	<b>8,90</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>

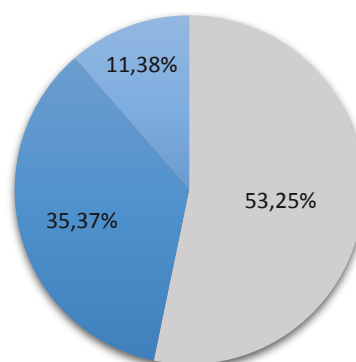
(\* Ghi chú: Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh năm 2017 lãi 1,87 tỷ đồng.

### Cơ cấu doanh thu 2017



- Từ HĐ CB-XK Thủy sản
- Từ KD vật tư (DN,HP,CNSG)
- Khác

### Cơ cấu doanh thu 2016



- Từ HĐ CB-XK Thủy sản
- Từ KD vật tư (DN,HP,CNSG)
- Khác

Cơ cấu doanh thu của Công ty năm 2017 có những thay đổi đáng kể, mặc dù tổng doanh thu 2017 chỉ tăng nhẹ so với 2016, nhưng tỷ trọng của thủy sản chế biến-xuất khẩu đã chiếm 74% thay vì 53% như năm trước; tỷ trọng kinh doanh vật tư (tại Đà Nẵng, CN Hải Phòng chuyển về, CNSG) đã giảm tỷ trọng từ 35% của 2016 còn 17% của 2017, và năm 2017 không có doanh thu từ nhượng bán cổ phiếu, bất động sản trong khi doanh số từ hoạt động này ở năm 2016 có tỷ trọng 4,35% (43,70 tỷ đồng).

Kết quả cơ cấu lợi nhuận 2017 cho thấy hoạt động thủy sản có đóng góp vượt trội vào lợi nhuận chung Công ty, trong khi năm 2016 hoạt động này lỗ nhiều và đóng góp chính vào lợi nhuận là từ nhượng bán cổ phiếu, bất động sản (43,3 tỷ đồng). Tuy nhiên, lợi nhuận của hoạt động sản xuất kinh doanh thức ăn nuôi thủy sản, kinh doanh vật tư tại chi nhánh TP.HCM, hoạt động kinh doanh dịch vụ kho vận có sự giảm sút.

### CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRỌNG YẾU

#### Hoạt động chế biến – xuất nhập khẩu Thủy sản

Mặt hàng	Năm 2017		2017 so với 2016				Tỷ trọng (%) theo giá trị	
	Số lượng (kg)	Giá trị (USD)	Số lượng (kg)	Giá trị (USD)	Về lượng (%)	Về giá trị (%)	Năm 2017	Năm 2016
Tôm	3.210.319,60	31.119.187,72	826.924,60	8.723.549,40	134,70	138,95	94,27	93,84
Cá	289.401,60	1.892.184,51	(82.741,80)	422.592,39	77,77	128,76	5,73	6,16
<b>Tổng</b>	<b>3.499.721,20</b>	<b>33.011.372,23</b>	<b>744.182,80</b>	<b>9.146.141,79</b>	<b>127,01</b>	<b>138,32</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>

Nội dung	ĐVT	TH 2016	Kế hoạch 2017	TH 2017	%TH/KH	%TH/2016
Sản lượng XK	Tấn	2.755,54	3.110,00	3.499,72	112,53	127,01
KNXK	Triệu USD	23,87	27,92	33,01	118,24	138,32
Doanh thu	Tỷ đồng	535,34	646,36	748,90	115,86	139,89
Lợi nhuận	Tỷ đồng	(9,17)	1,00	16,58	1.759,51	191,92

Năm 2017, Công ty thực hiện xuất khẩu bình quân hơn 290 tấn/tháng, với tôm chiếm tỷ trọng 94%. Tuy nhiên, trong khi châu Âu vươn lên thay thế Mỹ, dẫn đầu thị trường nhập khẩu của tôm Việt Nam, thị trường Trung Quốc có sự tăng trưởng mạnh, thì Nhật Bản – đầu là thị trường mạnh trong nhóm dẫn đầu nhập khẩu Tôm Việt Nam - vẫn là thị trường truyền thống đang có tỷ trọng tăng hơn năm trước trong năm 2017 – đây là một rủi ro.

### Hoạt động kinh doanh vật tư

Kinh doanh vật tư năm 2017 là hoạt động có tại Chi nhánh Tp HCM (vật tư nhập khẩu), tại Văn phòng Công ty và của Chi nhánh Hải Phòng chuyển về Công ty. Sự đóng góp như sau:

Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2017	TH 2017	TH 2016	%TH/KH	%TH/2016
KN NK	Triệu USD	9,00	4,00	9,40	44,43	42,52
<i>Trong đó: CNSG</i>	"	<i>9,00</i>	<i>4,00</i>	<i>9,40</i>	<i>44,43</i>	<i>42,52</i>
Doanh thu	Tỷ đồng	214,82	177,21	355,53	82,49	49,84
<i>Trong đó: CNSG</i>	"	<i>214,12</i>	<i>126,00</i>	<i>260,15</i>	<i>58,85</i>	<i>48,44</i>
<i>Tại ĐN</i>	"	<i>-</i>	<i>47,97</i>	<i>82,18</i>		<i>58,37</i>
<i>CNHP</i>	"	<i>0,70</i>	<i>3,24</i>	<i>13,21</i>	<i>462,34</i>	<i>24,51</i>
Lợi nhuận	Tỷ đồng	2,20	(5,40)	(28,91)	(245,44)	18,68
<i>Trong đó: CNSG</i>	"	<i>2,80</i>	<i>1,87</i>	<i>4,43</i>	<i>66,95</i>	<i>42,28</i>
<i>Tại ĐN</i>	"	<i>-</i>	<i>5,04</i>	<i>(2,01)</i>		<i>(250,84)</i>
<i>CNHP</i>	"	<i>(0,60)</i>	<i>(12,32)</i>	<i>(31,33)</i>	<i>2.052,84</i>	<i>39,31</i>

- ✓ Tại Đà Nẵng: Doanh thu từ hoạt động mua bán vật tư là 47,97 tỷ đồng.
- ✓ Tại Hải Phòng là phần chuyển về Công ty từ 2015 còn lại, Công ty đã xử lý xong hàng giấy tồn kho, hàng của Inox Hòa Bình.
- ✓ Tại chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh: Kim ngạch nhập khẩu chỉ bằng 44% so với cùng kỳ 2016, do tình hình thị trường không tốt, số lượng khách hàng giảm do công ty có chủ trương lựa chọn khách hàng và chặt chẽ trong thu nợ. Tuy nhiên, chi nhánh vẫn có lãi trong năm 2017 là 1,87 tỷ đồng.



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Đến nay, Công ty đã thực hiện đầu tư tài chính dài hạn với 03 danh mục đầu tư lớn:

STT	Danh mục đầu tư	Vốn điều lệ (Đ)	Tổng CP	SPD sở hữu (CP)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá vốn của SPD (Đ)
1	NCS	90.000.000.000	9.000.000	3.000.000	33,33%	30.000.000.000
2	LHG	500.120.100.000	50.012.010	2.431.000	4,86%	37.402.316.201
3	An Phú	126.000.000.000	12.600.000	2.500.000	19,84%	25.000.000.000
<b>CỘNG</b>						<b>92.402.316.201</b>





Năm 2017, Công ty cũng đã thực hiện được rất nhiều hạng mục công việc về đầu tư, sửa chữa, mua sắm công cụ dụng cụ sản xuất, như sau:

- Sửa chữa lớn phân xưởng (thay toàn bộ đèn LED, trần cho PX3, thay tole PX1, trang bị 1 phòng cảm quan riêng trong xưởng, cải tạo phòng đệm kho 800, mở thêm cửa xuất hàng...);
- Mua sắm mới CCDC và chế tạo thiết bị mới cho sản xuất (mua bơm cao áp, bơm định lượng, xe nâng tay, máy hàn bao liên tục, đồng hồ điện nước để tách theo dõi các xưởng, chế tạo 5 máy quay tôm, 1 máy quay tôm đổi ....);
- Phần tăng tài sản cố định Công ty gồm (1) nhà cửa: cải tạo nhà ăn mới, xây dựng nhà xe Công ty, cải tạo kho vật tư mới; (2) mua sắm máy móc thiết bị (mua máy niềng thùng, 2 máy dò kim loại Anritsu, quạt dàn lạnh xưởng 2, xe nâng hàng Linde và 02 xe nâng hàng Still cho kho lạnh, mua máy rửa tôm thịt loại tạp chất và chế tạo thêm 01 máy cùn băng tải ráo nước; mua máy in phun Hitachi, hệ thống lọc nước uống công suất 125 lít/h, dây chuyền duỗi tôm Nobashi, 02 máy đai niềng thùng bán tự động, hệ thống PCCC của kho vật tư, lắp đặt thêm camera,...).

Năm qua, hoạt động kinh doanh tại Công ty liên kết (Công ty TNHH Bất động sản New City) vẫn diễn ra bình thường, tình hình tài chính được duy trì ổn định.







## Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	2016	2017	Tỷ lệ (%) 2017/2016
1	Tổng giá trị tài sản	443.733.872.979	449.966.912.977	101,34%
2	Doanh thu thuần	954.618.063.645	993.923.379.922	104,12%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	-25.134.463.994	13.869.676.620	-55,18%
4	Thu nhập khác	34.037.255.310	494.318.771	1,45%
5	Lợi nhuận trước thuế	8.902.791.316	14.363.995.391	161,34%
6	Lợi nhuận sau thuế	7.061.597.927	12.356.690.052	174,98%

Doanh thu thuần năm 2017 đã tăng 4,12% so với năm trước, đạt mức 993 tỷ đồng. Ngoài ra, mặc dù giá vốn hàng bán cũng có sự gia tăng tuy nhiên do Công ty kiểm soát khá tốt các khoản mục chi phí, điển hình là chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Nhờ vậy mà lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty có sự chuyển biến tích cực khi từ mức âm 25 tỷ đã có được bước chuyển ngoạn mục lên thành 13 tỷ đồng lợi nhuận. Thu nhập khác năm 2017 có sự sụt giảm hơn năm 2016 (do trong năm 2016 Công ty có thêm lợi nhuận từ nhượng bán nhà, thanh lý xe ô tô và góp vốn liên doanh) nhưng bù lại lợi nhuận sau thuế vẫn có sự tăng trưởng đáng kể với tỷ lệ 74,98% . Kết quả hoạt động trong năm cho thấy công ty đã gặt hái được nhiều thành công.

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,17	1,06	
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,60	0,53	
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	68,80%	67,98%	
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	220,52%	212,28%	
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	7,66	5,42	
Vòng quay tài sản	Vòng	2,36	2,22	
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	0,74%	1,24%	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	5,43%	8,75%	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	1,75%	2,77%	
Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	%	-2,63%	1,40%	



### **Về khả năng thanh toán:**

Cả hai hệ số thanh toán ngắn hạn lẫn thanh toán nhanh tại thời điểm cuối năm 2017 đều có sự sụt giảm so với năm trước, lần lượt đạt mức 1,06 và 0,53 lần. Tài sản ngắn hạn năm qua giảm 8,76% so với năm 2016, nguyên nhân chính do các khoản phải thu ngắn hạn khác (thuế nhập khẩu 275 ngày) có sự sụt giảm và việc SPD đã trích lập dự phòng phải thu quá hạn trong năm. Trong khi đó, hàng tồn kho cũng đã giảm đi và nợ ngắn hạn lại thay đổi không đáng kể điều này đã làm khả năng thanh toán của Công ty ít nhiều bị suy giảm.

### **Về chỉ tiêu năng lực hoạt động:**

Mặc dù Hàng tồn kho có sự chuyển biến tích cực khi đã giảm 5,55% so với năm 2016 trong khi đó Giá vốn hàng bán chỉ tăng nhẹ 0,77% điều này đã làm vòng quay hàng tồn kho giảm từ 7,66 vòng xuống còn 5,42 vòng, cho thấy tốc độ quay của hàng tồn kho nhanh hơn so với năm trước. Tại thời điểm cuối năm, Seadanang không có hàng tồn kho kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ. Hệ số vòng quay tổng tài sản nhìn chung cũng không có sự biến động đáng kể, đồng nghĩa với việc sử dụng tài sản của công ty vào các hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn duy trì được hiệu quả.

### **Về chỉ tiêu khả năng sinh lời:**

Các chỉ số về khả năng sinh lợi của công ty đã có sự chuyển biến rất tích cực, lợi nhuận sau thuế năm qua đã tăng khá cao 74,98% đạt mức 12,4 tỷ đồng chính là nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi trên trong khi doanh thu thuần, vốn chủ sở hữu cũng như tổng tài sản cũng có sự gia tăng so với năm trước. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh khá khả quan khi chuyển từ lỗ sang lãi, cho thấy doanh nghiệp đã thực sự làm ăn rất hiệu quả trong năm 2017.

### **Về chỉ tiêu cơ cấu vốn:**

Năm 2017, tổng nợ của công ty thay đổi không đáng kể chỉ xấp xỉ ở mức tăng 0,19% so với năm trước. Tổng tài sản trong năm cũng đã có sự gia tăng nhẹ 1,34%, cùng với đó vốn chủ sở hữu đã tăng nhẹ từ 138,4 tỷ đồng lên 144,1 tỷ đồng do kết quả kinh doanh tích cực khiến lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong kỳ có sự gia tăng. Tuy nhiên những chuyển biến này khiến cơ cấu vốn công ty không có sự thay đổi quá lớn so với năm 2016.





## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI TRONG VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

### Cổ phần

Tổng số cổ phần phát hành: 12.000.000 cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 12.000.000 cổ phần.
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông.
- Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.

### Cơ cấu cổ đông 2017 (Tính theo danh sách cổ đông chốt ngày 12/07/2017)

STT	Loại Cổ đông	Số lượng	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1.	Nhà nước	-	-	-
2.	Cổ đông trong nước	343	11.999.800	100,00%
	Tổ chức	10	6.984.310	58,20%
	Cá nhân	333	5.015.490	41,80%
3.	Cổ đông nước ngoài	01	200	0,00%
	Tổ chức	-	-	-
	Cá nhân	01	200	0,00%
<b>Tổng cộng</b>		<b>344</b>	<b>12.000.000</b>	<b>100.00%</b>

### DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên Cổ đông lớn	Số lượng cổ phần đang nắm giữ	Tỷ lệ
1	Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần	4.367.538	36,40%
2	Công ty TNHH Trường Mạnh Holdings Việt Nam	2.150.000	17,92%
3	Phạm Thị Phương	1.011.500	8,43%
4	Lâm Văn Đình	1.000.000	8,33%
5	Tô Thanh Sơn	600.000	5,00%
<b>Tổng cộng</b>		<b>9.129.038</b>	<b>76,08%</b>



**Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu:** Không có.

### **Giao dịch cổ phiếu quỹ**

Năm qua, Hội đồng quản trị Công ty thông qua phương án mua cổ phiếu quỹ để trừ nợ Công ty CP Inox Hòa Bình, cụ thể:

- Mục đích: Thu hồi công nợ khó đòi của Công ty CP Inox Hòa Bình
- Thời gian dự kiến giao dịch: Tháng 11.2017 – Tháng 12/2017, sau khi Ủy Ban Chứng khoán chấp thuận và đúng theo các quy định và thông tư của Bộ Tài chính
- Nguồn vốn thực hiện: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017 đã soát xét của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy Sản Miền Trung
- Số lượng cổ phiếu giao dịch: 50.000
- Phương thức thực hiện: Khớp lệnh hoặc giao dịch thỏa thuận
- Nguyên tắc xác định giá: Bình quân 10 phiên giao dịch gần nhất
- Giá mua: Theo thị trường nhưng không vượt quá 10.000đ/cổ phiếu
- Tên Công ty chứng khoán được chỉ định làm đại lý thực hiện giao dịch: Công ty cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn (SSI) – Chi nhánh Hà Nội

Theo phản hồi của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về hồ sơ đăng ký giao dịch này, Seadanang sẽ trình phương án trên xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông và triển khai lại thủ tục trong năm 2018.

**Các chứng khoán khác:** Không có.



# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- ✓ Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- ✓ Tình hình tài chính
- ✓ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý
- ✓ Kế hoạch phát triển trong tương lai
- ✓ Giải trình của Ban Giám đốc với ý kiến kiểm toán



## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2017	TH 2017	TH 2016	% TH 2017 so với KH 2017	% TH 2017 so với TH 2016
<b>1- Tổng doanh thu</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>910,00</b>	<b>1.008,85</b>	<b>1.005,29</b>	<b>110,86</b>	<b>100,35</b>
<b>2- Kim ngạch XNK</b>	<b>Triệu USD</b>	<b>36,92</b>	<b>37,12</b>	<b>34,46</b>	<b>100,55</b>	<b>107,73</b>
<b>2.1- Xuất khẩu</b>	<b>Triệu USD</b>	<b>27,92</b>	<b>33,12</b>	<b>24,44</b>	<b>118,64</b>	<b>135,54</b>
<i>SX-XK Công ty</i>		<i>27,92</i>	<i>33,011</i>	<i>23,865</i>	<i>118,24</i>	<i>138,32</i>
<i>XK khác</i>		<i>-</i>	<i>0,113</i>	<i>0,573</i>		<i>19,71</i>
<b>2.2- Nhập khẩu vật tư</b>	<b>Triệu USD</b>	<b>9,00</b>	<b>4,00</b>	<b>10,02</b>	<b>44,43</b>	<b>39,91</b>
<i>Chi nhánh HCM</i>		<i>9,00</i>	<i>3,998</i>	<i>9,40</i>	<i>44,43</i>	<i>42,52</i>
<i>Văn phòng Công ty</i>		<i>-</i>	<i>-</i>	<i>0,616</i>		<i>-</i>
<b>3- SXKD thức ăn nuôi thủy sản</b>						
Doanh thu	Tỷ đồng	34,58	22,451	29,716	64,92	75,55
Sản lượng SX :	Tấn	3.422	2.105,19	2.289,40	61,52	91,95
<b>4- Doanh thu KD Kho vận, cho thuê nhà</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>12,04</b>	<b>14,472</b>	<b>59,961</b>	<b>120,20</b>	<b>24,14</b>
<i>Chi nhánh HCM</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>2,44</i>	<i>3,049</i>	<i>3,143</i>	<i>124,94</i>	<i>96,98</i>
<i>Ban DV Kho vận ĐN</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>8,12</i>	<i>9,064</i>	<i>11,660</i>	<i>111,63</i>	<i>77,74</i>
<i>DT khác của Cty (cho thuê nhà, đầu tư tài chính)</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>2,17</i>	<i>2,360</i>	<i>1,053</i>	<i>108,74</i>	<i>224,13</i>
<i>Thu nhập nhượng bán BĐS, thoái vốn</i>	<i>Tỷ đồng</i>			<i>44,105</i>		<i>-</i>
<b>5- Khấu hao TSCĐ</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>7,66</b>	<b>8,01</b>	<b>10,36</b>	<b>104,63</b>	<b>77,39</b>
<b>6- Lợi nhuận</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>8,00</b>	<b>14,40</b>	<b>8,90</b>	<b>180,02</b>	<b>161,77</b>



Hòa chung không khí tăng trưởng 18% của ngành thủy sản Việt Nam năm 2017 so với 2016 để đạt kim ngạch 8,3 tỷ USD, Công ty CP XNK Thủy Sản Miền Trung cũng đã có một năm phát triển tốt, với kim ngạch xuất khẩu thủy sản tăng 18% so với kế hoạch, và tăng hơn 38% so với cùng kỳ năm trước.

Các mục tiêu trọng yếu của Công ty như doanh thu, kim ngạch xuất khẩu, lợi nhuận đều vượt tốt so với kế hoạch năm và so với 2016. Kết quả này là minh chứng cho việc lựa chọn định hướng đúng đắn, hỗ trợ kịp thời của Hội đồng quản trị Công ty, cùng với việc thông hiểu và theo đuổi mục tiêu của Ban điều hành và đội ngũ quản lý Công ty, gắn liền với sự cố gắng của người lao động trong Công ty, cộng hưởng với sự thuận lợi của thị trường và yếu tố may mắn để có được một kết quả tốt hơn mong đợi.

### **Về qui mô hoạt động:**

Tổng doanh thu thực hiện năm 2017 đạt 1.008,75 tỷ đồng đạt được 110,86%, hoàn thành xuất sắc so với kế hoạch đặt ra. Kim ngạch xuất nhập khẩu tăng (trong đó thực hiện xuất khẩu đạt 118,64% so với kế hoạch và nhập khẩu đạt 44,43% so với kế hoạch). Về kế hoạch khấu hao, cơ bản công ty đã hoàn thành được, chỉ xê dịch nhẹ so với con số đã đề ra. Phần lớn các mảng hoạt động chính của Công ty có được sự chuyển biến tích cực trong năm qua. Kết quả cho thấy, lợi nhuận đạt được đã vượt đến 80,02% so với kế hoạch và tăng 61,77% so với năm trước.

### **Về hiệu quả kinh doanh:**

Kết quả kinh doanh năm qua khá khởi sắc, khi lợi nhuận sau thuế tăng đến 74,98%, trong đó lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng ấn tượng từ một số âm 25 tỷ đồng lên đến gần 14 tỷ đồng. Kết quả cơ cấu lợi nhuận 2017 cho thấy hoạt động thủy sản có đóng góp vượt trội vào lợi nhuận chung Công ty. Tuy nhiên, lợi nhuận của hoạt động SX-KD thức ăn nuôi thủy sản, kinh doanh vật tư tại CN TP HCM, hoạt động kinh doanh dịch vụ kho vận có sự giảm sút so với năm 2016. Mặc dù vậy, Công ty đã khắc phục được về vấn đề hàng tồn kho, điều đó phần nào giải quyết được về đảm bảo chất lượng của hàng hóa. Nợ của Công ty, chủ yếu là nợ ngắn hạn, năm 2017 vừa qua có sự tăng nhẹ, tuy không đáng kể nhưng nợ lớn sẽ đi đôi với chi phí lãi vay lớn. Điều đó ít nhiều làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty trong thời gian tới.

Cơ cấu thị trường năm vừa qua cũng không nhiều thay đổi, Nhật Bản vẫn là thị trường truyền thống của Công ty và chiếm tỷ trọng cao, chứng tỏ Công ty có cơ sở vật chất và tổ chức sản xuất đạt yêu cầu khách hàng thuộc nhóm khó tính nhất. Nhưng mặt trái của việc này là rủi ro cao trong khi thị trường Nhật luôn biến động.





## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017		% Tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	356.722.425.210	80,39%	325.470.128.172	73,33%	-8,76%
Tài sản dài hạn	87.011.447.769	19,61%	124.496.784.805	26,67%	43,08%
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>443.733.872.979</b>	<b>100%</b>	<b>449.966.912.977</b>	<b>100%</b>	<b>1,40%</b>

Trong cơ cấu tài sản năm 2017, tài sản ngắn hạn chiếm ưu thế với tỷ trọng chiếm 73,33%. Tỷ trọng có giảm nhẹ so với năm trước đó. Điều này có thể được lý giải bởi hàng tồn kho giảm, cùng với đó các khoản phải thu (tạm ứng, thuế nhập khẩu, chi phí liên quan đến tòa án,...) cũng sụt giảm đáng kể có thể thấy năm qua tình hình quản lý công nợ của Công ty khá tốt. Trong năm, Seadanang cũng đã trích lập dự phòng cho các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi vì theo Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ quá hạn và thấp vì các khoản này đã tồn tại lâu và chưa thu hồi được.

Về tài sản dài hạn, có thể thấy sự gia tăng mạnh so với năm ngoài đến 43,08%. Điều này cũng dễ hiểu khi SPD đã thực hiện rất nhiều hạng mục công việc về đầu tư, sửa chữa, mua sắm công cụ, dụng cụ sản xuất mới. Điển hình là việc sửa chữa lớn cơ sở vật chất phân xưởng, mua sắm mới công cụ dụng cụ, chế tạo thiết bị mới cho sản xuất cùng hàng loạt các cải cách mới như: cải tạo nhà ăn mới, xây dựng nhà xe Công ty, cải tạo kho vật tư mới ... Năm qua, Seadanang cũng đã đầu tư tài chính đến hơn 40 tỷ đồng góp vốn vào các đơn vị khác đây cũng là nguyên nhân chủ yếu khiến tài sản dài hạn có sự biến động mạnh như trên.

### Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017		% Tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	305.292.379.819	100%	305.874.889.558	100%	0,19%
Nợ dài hạn	-	0%	-	0%	0%
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>305.292.379.819</b>	<b>100%</b>	<b>305.874.889.558</b>	<b>100%</b>	<b>0,19%</b>
Vốn chủ sở hữu	138.441.493.160		144.092.023.419		4,08%

Nợ phải trả của Công ty không có sự thay đổi quá lớn so với năm trước, cơ cấu sử dụng nợ của Công ty vẫn chủ yếu là nợ ngắn hạn. Năm 2017, nợ ngắn hạn tăng nhẹ với năm trước là 0,19% đạt mức là 305,87 tỷ đồng trong đó chủ yếu do các khoản nợ vay ngân hàng trong năm cùng với các khoản phải trả người bán, phải trả người lao động có sự gia tăng. Vốn chủ sở hữu của Công ty tăng đã 4,08% so với năm 2016, do khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này tăng lên đột biến nhờ kết quả kinh doanh thuận lợi trong năm qua.



## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Công ty vẫn hoạt động với cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý như đã đề ra.



## GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm

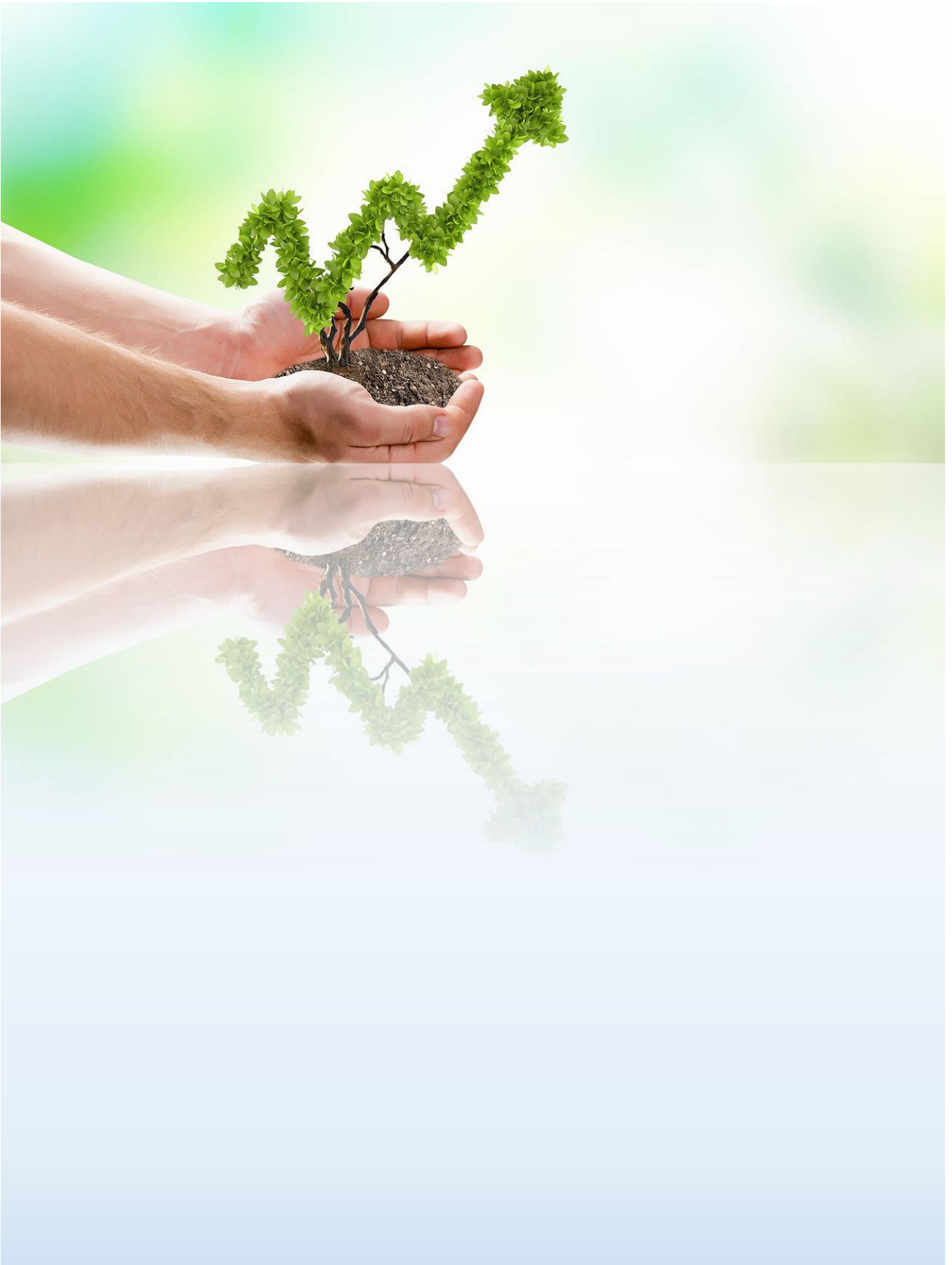


## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI



Chỉ tiêu	ĐVT	THỰC HIỆN 2017	KẾ HOẠCH 2018	% KH 2018 / TH 2017
<b>1- Tổng doanh thu</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>1.008,85</b>	<b>1.105,00</b>	<b>109,53</b>
<b>2- Kim ngạch XNK</b>	<b>Triệu USD</b>	<b>37,12</b>	<b>43,43</b>	<b>117,00</b>
Xuất khẩu	Triệu USD	33,12	38,64	116,66
Nhập Khẩu	Triệu USD	4,00	4,79	119,77
<b>3- SX-KD thức ăn nuôi TS</b>				
Doanh thu	Tỷ đồng	22,45	24,19	107,72
Sản lượng SX	Tấn	2.105,19	2.305,00	109,49
<b>4- Doanh thu KD Kho vận, cho thuê nhà</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>14,47</b>	<b>42,90</b>	<b>296,39</b>
<b>5- Khấu hao TSCĐ</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>8,01</b>	<b>8,10</b>	<b>101,02</b>
<b>6- Lợi nhuận</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>14,36</b>	<b>15,2</b>	<b>105,85</b>





# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



- ✓ Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
- ✓ Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- ✓ Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị



## ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm qua, ngành Thủy sản Việt Nam đã có sự tăng trưởng khá tốt. Tận dụng được cơ hội của thị trường Công ty cũng đã đạt được kết quả kinh doanh rất khả quan, hầu hết các hoạt động mang lại doanh thu đều có sự chuyển biến tích cực so với năm trước. Riêng hoạt động sản xuất kinh doanh thức ăn nuôi thủy sản có sự giảm sút ở thức ăn nuôi cá trên tất cả các khu vực nên chưa đạt được kế hoạch đề ra.

Hội đồng quản trị cùng với Ban điều hành luôn thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ của mình theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế Quản trị Công ty và các quy định hiện hành. Thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông cũng như HĐQT. Liên tục đánh giá, dự báo, phân tích tình hình sản xuất kinh doanh để có thể đề xuất kịp thời biện pháp chỉ đạo xử lý những vướng mắc phát sinh trong quá trình hoạt động nhằm khai thác tốt những thuận lợi mà thị trường mang lại. Đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Hoạt động quản trị công ty và công bố thông tin được SPD thực hiện đầy đủ đến Ủy Ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quy định.





## ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc là những người được đào tạo, có trình độ học vấn từ bậc đại học trở lên, có đạo đức tốt, gắn bó với Công ty nhiều năm, trải qua nhiều vị trí quản lý trong Công ty, nên đa số có kinh nghiệm về ngành nghề. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật, chịu trách nhiệm điều hành chung, các Phó Tổng Giám đốc được phân công nhiệm vụ theo dõi, phụ trách theo từng lĩnh vực hoạt động của Công ty điều này cũng góp phần chuyên môn hóa và tận dụng tốt được nguồn lực nhằm vận hành bộ máy hoạt động của Seadanang liên tục, hiệu quả. Ban Tổng Giám đốc luôn nhận thức được rõ những khó khăn, thuận lợi của Công ty, linh hoạt trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh, ý thức hoàn thiện công tác quản lý và quản trị Công ty thông qua việc ban hành những qui định quản lý nội bộ, nâng cao tính kỷ luật trong Công ty nhằm phòng ngừa và hạn chế rủi ro ở nhiều mặt hoạt động.

Nhìn chung, môi trường kinh doanh ở các lĩnh vực hoạt động chính của Công ty trong thời gian những năm gần đây (thủy sản, kinh doanh vật tư nhập khẩu) đều có những khó khăn nhất định, Ban điều hành qua các giai đoạn luôn có sự cố gắng thực hiện tốt các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, kết quả hoạt động năm 2017 đã chứng minh cho những nỗ lực không ngừng nghỉ của các Thành viên Ban Tổng Giám đốc. Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nghiêm túc và tinh thần trách nhiệm cống hiến hết mình trong công việc của Ban điều hành. Các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc đã thực sự có được một năm làm việc hiệu quả, thành công và mong rằng kết quả này sẽ được duy trì trong những năm tiếp theo.





## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tuy Công ty năm 2017 đã có những thành công nổi bật nhưng vẫn còn những khó khăn ở trước mắt. Khi Công ty hoạt động nhiều nhờ vào nguồn cầu, mà nhu cầu thị trường là luôn thay đổi. Bên cạnh đó, nguồn nguyên liệu cũng là một khó khăn đối với SPD. Hội đồng quản trị cùng Ban Tổng Giám đốc đã đưa ra những đề xuất khá thiết thực, nỗ lực nhiều hơn trong việc cải thiện vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp thủy sản khác, cụ thể như sau:

- ✓ Đảm bảo hợp đồng đầu ra cho sản xuất liên tục;
- ✓ Chế biến Nobashi ít nhất 100 tấn/năm;
- ✓ Lấy được chứng nhận ASC, Global GAP;
- ✓ Tăng tỷ trọng thị trường EU +Đảm bảo hoạt động xưởng cá;
- ✓ Linh hoạt trong khai thác các nguồn thu mua nguyên liệu +Cải tiến liên tục trong sản xuất, tiếp tục giảm chi phí sản xuất;
- ✓ Giữ công nhân bằng việc làm đảm bảo và thu nhập cạnh tranh;
- ✓ Tiếp tục sử dụng giá linh hoạt và phát huy sự quan tâm chăm sóc khách hàng tốt trong hoạt động dịch vụ cho thuê kho lạnh;
- ✓ Duy trì sản xuất kinh doanh thức ăn nuôi thủy sản ở đơn vị Phát Triển Nguồn Lợi Thủy Sản;
- ✓ Giảm chi phí lãi vay bằng quay nhanh vòng vốn, thu hồi công nợ, giải phóng hàng tồn kho.





BÁO CÁO

**PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**









## GIÁ TRỊ KINH TẾ

Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung hình thành và phát triển trên cơ sở dân chủ, bình đẳng, tự nguyện các cổ đông cùng nhau góp vốn cùng chia sẻ lợi nhuận. Cho đến thời điểm hiện nay, các mục tiêu kinh tế đặt ra đều được Ban Điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên trong Công ty phối hợp triển khai thực hiện quyết liệt với tinh thần đầy trách nhiệm. Kết quả hoạt động năm 2017 cho thấy SPD vẫn đảm bảo được thu nhập và việc làm cho người lao động, các chính sách đối với đối tượng này được thực hiện đầy đủ và có sự cam kết dài lâu, tiếp tục duy trì được sự phát triển bền vững của Công ty nhưng cũng tuân thủ đúng các quy định đối với Nhà nước. SPD luôn ý thức cố gắng hoạt động để có thể góp phần tăng thu ngân sách tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế Tp.Đà Nẵng và cả nước.

Những năm qua, Công ty luôn hoàn thành nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao phó. Năm 2017, kết quả kinh doanh có sự tăng trưởng đáng kể, việc trả cổ tức mỗi năm đều được xem xét trên tinh thần vì sự phát triển trong tương lai của Công ty và trên hết là hướng đến gia tăng lợi ích cho cổ đông và luôn tuân thủ các nghĩa vụ thuế theo quy định pháp luật.

Tiêu chí	Giá trị mang lại trong năm 2017
Kết quả hoạt động	Doanh thu thuần: 993,9 tỷ đồng; LNST: 12,36 tỷ đồng
Cổ đông	Hoàn thành chi trả cổ tức năm 2016 với tỷ lệ 5%/VĐL
Nộp ngân sách	Tổng khoản nộp ngân sách bằng 54,76 tỷ đồng
Người lao động	Mức lương bình quân 2017 là 6,8 triệu đồng/người/tháng



## ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

Ảnh hưởng của ngành chế biến thủy sản đến môi trường có sự khác nhau đáng kể, không chỉ phụ thuộc vào loại hình chế biến, mà còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như quy mô sản xuất, sản phẩm, nguyên liệu đầu vào, mùa vụ, trình độ công nghệ sản xuất, trình độ tổ chức quản lý sản xuất... Trong đó yếu tố kỹ thuật, công nghệ và tổ chức quản lý sản xuất có ảnh hưởng quyết định đến vấn đề bảo vệ môi trường của từng doanh nghiệp. Một số tác động đặc trưng đến môi trường là ô nhiễm không khí, ô nhiễm nước vì nguồn nước thải trong sản xuất, chế biến thủy sản nếu không được xử lý thích hợp sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường. Vì thế, SPD luôn ý thức trong việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, xem trọng các công tác xử lý chất thải và bảo vệ môi trường cũng như công tác phòng ngừa, ngăn chặn, kiểm soát phát sinh gây ô nhiễm luôn được Seadanang chú trọng. Việc ứng dụng khoa học và công nghệ vào xử lý chất thải luôn Công ty cân nhắc và triển khai thực hiện.





Việc nâng cao chất lượng thực phẩm là một trong những điều kiện cần thiết để các doanh nghiệp ngành sản xuất, chế biến thực phẩm có thể cạnh tranh và phát triển bền vững. Điều đó được thể hiện qua rất nhiều khía cạnh như: chất lượng nguồn nguyên liệu, vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất,... Đây là cả một chuỗi quá trình cho đến khi sản phẩm đến tay khách hàng, khi một trong những yếu tố này không đạt yêu cầu sẽ ảnh hưởng đến chất lượng chung của sản phẩm. Hiểu được điều đó, Công ty đã có những thay đổi về cơ sở và điều kiện sản xuất, kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguyên liệu đầu vào và cả trong quá trình sản xuất,... Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên tham gia tập huấn về kiến thức đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản.



## **ĐẢM BẢO AN TOÀN CHẤT LƯỢNG THỰC PHẨM**





## ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Với sự tăng trưởng trong nhiều năm qua, Công ty đã tạo rất nhiều công ăn việc làm, thu nhập ổn định cho đội ngũ cán bộ công nhân viên. Công ty liên tục áp dụng các giải pháp cải tiến cả về việc làm và thu nhập, chủ động điều chỉnh đơn giá lương trước một bước để mang tính cạnh tranh hơn, điều chỉnh các chính sách thưởng, khuyến khích lao động chuyên cần, từng bước điều chỉnh giờ làm việc, điều chỉnh phúc lợi. Chính sách lao động hợp lý đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi nên đem đến sự phấn chấn cho người lao động. Tương lai, Công ty sẽ tiếp tục theo đuổi chính sách này, chung tay cùng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đất nước, cải thiện đời sống của người dân lao động. Ngoài ra, công ty luôn có kế hoạch đào tạo nhân sự, nâng cao chất lượng của lao động thông qua việc đào tạo, phát triển nhân viên, không ngừng nâng cao năng lực quản trị, năng lực thi công sản xuất nhằm nâng cao hơn nữa tay nghề, kỹ thuật trong công việc.





## ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

Sự phát triển lâu dài của một doanh nghiệp dựa trên nền tảng của một cộng đồng bền vững, ổn định và thịnh vượng. Chúng tôi hiểu rằng sự hiện diện của công ty tạo nên những tác động nhất định về kinh tế, môi trường xã hội đối với cộng đồng tại Đà Nẵng nói riêng và cả nước nói chung. Seadanang cam kết tạo nên những giá trị cuộc sống trọn vẹn hơn thông qua các chương trình hỗ trợ và phát triển cộng đồng. Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện nhiều hoạt động thiết thực, có ý nghĩa hơn nữa để đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng, xã hội.



# QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ✓ Hội đồng quản trị
- ✓ Ban kiểm soát
- ✓ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích





## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Với quy mô hiện tại, Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban, mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ phụ trách một mảng hoạt động theo phân công của Hội đồng quản trị theo từng thời kỳ.

### Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Thái Bá Nam	Chủ tịch	19/19	100%	
2	Ông Nguyễn Văn Tân	Thành viên	19/19	100%	
3	Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên	2/19	10,5%	Thôi TV HĐQT từ 01/03/2017
4	Ông Huỳnh Tô Hà	Thành viên	7/19	36,8%	Thôi TV HĐQT từ 20/05/2017
5	Ông Lê Mạnh Thường	Thành viên	13/19	68,4%	TV HĐQT từ 22/7/2016 đến 20/5/2017, TV HĐQT từ 01/10/2017
6	Ông Nguyễn Đức Cảnh	Thành viên	05/19	26,3%	TV HĐQT từ ngày 20/05/2017; Thôi TV HĐQT từ 01/10/2017;
7	Ông Ngô Trí Dũng	Thành viên	11/19	57,9%	TV HĐQT từ ngày 20/05/2017; Thôi TV HĐQT từ 09/01/2018
8	Bà Trần Như Thiên My	Thành viên	12/19	63,1%	TV HĐQT từ ngày 20/05/2017





## Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2017

STT	Số Nghị quyết	Ngày phát hành	Nội dung
1	01-A,B,D,E /2017/NQ-HĐQT	20/01/2017	<p><b>01A:</b> Phê duyệt Báo cáo đầu tư di dời kho lạnh (1.000 tấn) từ 31 Ngũ Hành Sơn- Đà Nẵng về Thọ Quang.</p> <p><b>01B:</b> Phê duyệt phương án bán đấu giá Kho lạnh 500 tấn và các tài sản khác có thể thu hồi tại địa chỉ 31 Ngũ Hành Sơn – Đà Nẵng.</p> <p><b>01C:</b> Phê duyệt trích tăng 5% đơn giá lương sản phẩm chế biến thủy sản năm 2016.</p> <p><b>01D:</b> Xử lý công nợ</p> <p><b>01E:</b> Công nhận danh hiệu lao động giỏi năm 2016 cho những người quản lý Công ty.</p>
2	02-A,B,C /2017/NQ-HĐQT	28/02/2017	<p><b>02A:</b> Thông qua kết quả hoạt động SXKD năm 2016, báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán của Công ty. Chỉ đạo một số công tác điều hành.</p> <p><b>02B:</b> Chấp thuận đơn từ nhiệm thành viên HĐQT và thôi giữ vị trí Tổng Giám đốc điều hành Công ty của ông Nguyễn Hoàng Giang. Ông Nguyễn Hoàng Giang thôi là người đại diện theo pháp luật và là người công bố thông tin của Công ty.</p> <p><b>02C:</b> Bổ nhiệm bà Trần Như Thiên My giữ vị trí Tổng Giám đốc điều hành Công ty. Bà là người đại diện theo pháp luật và là người công bố thông tin của Công ty.</p>
3	03A/2017/NQ-HĐQT	04/03/2017	Ý kiến cho người đại diện vốn của Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung biểu quyết tại cuộc họp HĐQT, Đại hội cổ đông Công ty CP Đầu tư NEWCITY SEADANANG về việc đồng ý thành lập Công ty con LIGHTLAND DANANG.
4	03/2017/NQ-HĐQT	23/03/2017	Cử cán bộ đi công tác nước ngoài.
5	04/2017/NQ-HĐQT	03/04/2017	Thay đổi phương án di dời kho lạnh từ 31 Ngũ Hành Sơn về Thọ Quang.





STT	Số Nghị quyết	Ngày phát hành	Nội dung
6	05-A,B,C,D/2017/NQ-HĐQT	05/05/2017	<p><b>05A:</b> Thông qua kế hoạch SXKD năm 2017 của Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 phê duyệt. Một số chỉ đạo về công tác điều hành.</p> <p><b>05B:</b> Phê duyệt đơn giá lương, mức lương áp dụng cho công ty CP XNK TS Miền Trung năm 2017.</p> <p><b>05C:</b> Mua bán cổ phần Công ty đang nắm giữ tại Công ty CP Long Hậu (mã LHG).</p> <p><b>05D:</b> Chốt thời gian và thông qua tài liệu chuẩn bị cho phiên họp ĐHCĐ thường niên năm 2017.</p>
7	06/2017/NQ-HĐQT	15/05/2017	Bổ sung tài liệu Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.
8	07/2017/NQ-HĐQT	16/05/2017	Bổ sung tài liệu Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.
9	08-A,B,C,D,E/2017/NQ-HĐQT	23/07/2017	<p><b>08A:</b> Thống nhất lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh miền Trung - là đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty CP XNK Thủy Sản Miền Trung (gồm soát xét bán niên và báo cáo tài chính năm 2017).</p> <p><b>08B:</b> Chi cổ tức năm 2016 theo mức được phê duyệt của ĐHCĐ 2017 là 5% bằng tiền mặt.</p> <p><b>08C:</b> Chấm dứt hoạt động của bộ phận Trạm Đồng Hới kể từ ngày 01/7/2017.</p> <p><b>08D:</b> Phê duyệt Báo cáo đầu tư di dời kho lạnh (1.500 tấn) từ 31 Ngũ Hành Sơn- Đà Nẵng về Thọ Quang, với tổng mức đầu tư là: 11.781.425.000 đồng-đã bao gồm VAT.</p> <p><b>08E:</b> Chỉ đạo công tác điều hành.</p>

**Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2017**

STT	Số Nghị quyết	Ngày phát hành	Nội dung
10	09-A, B.1, B.2, B.3, C, D/2017/NQ-HĐQT	31/07/2017	<p><b>09A:</b> Cử cán bộ đi công tác nước ngoài (Nhật bản).</p> <p><b>09B.1:</b> Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Đà Nẵng.</p> <p><b>09B.2:</b> Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Ngũ Hành Sơn.</p> <p><b>09B.3:</b> Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng NN &amp; PTNT Việt Nam – CN Đà Nẵng.</p> <p><b>09C:</b> Điều chỉnh dự án đầu tư và ký lại hợp đồng thuê lại đất tại 01 Bùi Quốc Hưng, phường Thọ Quang, Q.Sơn Trà, Tp.Đà Nẵng. Thông qua việc ký lại hợp đồng thuê lại đất với Công ty PT và Khai thác hạ tầng KCN Đà Nẵng (thanh toán một lần cho cả thời gian thuê còn lại: 2018-2052).</p> <p><b>09D:</b> Chỉ đạo của HĐQT về công tác điều hành.</p>
11	09A/2017/NQ-HĐQT	03/09/2017	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam – CN Đà Nẵng.
12	10/2017/NQ-HĐQT	09/08/2017	Thông qua việc nhận cầm cố cổ phiếu FTM làm tài sản đảm bảo dư nợ của khách hàng.
13	11/2017/NQ-HĐQT	30/08/2017	Thông nhất cho Công ty CP Đầu tư Newcity Seadanang (NCS vay 1,5 tỷ đồng trên cơ sở SPD nhận thế chấp tài sản là xe ô tô của NCS.
14	11A/2017/NQ-HĐQT	21/09/2017	Cử cán bộ đi công tác nước ngoài.
15	11B/2017/NQ-HĐQT	25/09/2017	Phê duyệt giao dịch mua bán của Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung (SPD) với Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đức Quân (FTM).



STT	Số Nghị quyết	Ngày phát hành	Nội dung
16	12A,B,C,D,E,F,G/2017/NQ-HĐQT	28/09/2017	<p><b>12A:</b> Chấp thuận đơn từ nghiệm thành viên HĐQT SPD của Ông Nguyễn Đức Cảnh, thôi là thành viên HĐQT từ ngày 05/9/2017.</p> <p><b>12B:</b> Chấp thuận bổ sung ông Lê Mạnh Thường làm thành viên HĐQT SPD thay thế chỗ trống phát sinh, từ ngày 28/9/2017.</p> <p><b>12C:</b> Thanh lý hợp đồng thế chấp tài sản của các cá nhân Trạm Đồng Hới.</p> <p><b>12D:</b> Phê duyệt phương án đầu tư dài hạn tại Công ty CP Đầu tư và Phát triển BĐS An Phú – Nha Trang.</p> <p><b>12E:</b> Cá nhân thế chấp tài sản để đảm bảo khoản dư nợ của Công ty CP Vạn Thành với SPD (3.299m2 đất của ông Phạm Hải Triều và bà Phan Thị Thúy – tại Long An).</p> <p><b>12F:</b> Chỉ định Thư ký Công ty (Bà Nguyễn Thị Mai Trang), làm Thư ký công ty từ ngày 01/10/2017, thay thế Bà Nguyễn Thị Hòa).</p> <p><b>12G:</b> Chỉ đạo của HĐQT về công tác đầu tư và công tác điều hành.</p>
17	13/2017/NQ-HĐQT	05/10/2017	V/v cử cán bộ đi Trung Quốc.
18	14A,B,C/2017/NQ-HĐQT	18/10/2017	<p><b>14A:</b> Chuyển nhượng kho Q.8, TP HCM.</p> <p><b>14B:</b> Phê duyệt phương án mua cổ phiếu quỹ Cty Inox Hòa Bình.</p> <p><b>14C:</b> Chỉ đạo công tác điều hành.</p>

## Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2017

STT	Số Nghị quyết	Ngày phát hành	Nội dung
19	15/2017/NQ-HĐQT	06/11/2017	Xác định rõ giá trị QSD đất và tài sản trên đất tại kho Q.8 HCM.
20	16/2017/NQ-HĐQT	20/11/2017	Nâng giá khởi điểm bán đấu giá tài sản kho Q.8, HCM.
21	17/2017/NQ-HĐQT	08/12/2017	Tạm dừng bán đấu giá tài sản tại 1064 Tạ Quang Bửu, Q.8, HCM.
22	18/2017/NQ-HĐQT	14/12/2017	Đồng ý cho Công ty An Phú vay tiền
23	19A,B,C,D,E/2017/NQ-HĐQT	20/12/2017	<p><b>19A:</b> Xử lý công nợ loại khỏi tài sản công ty để theo dõi ngoại bản công nợ khó đòi của Lâm Quốc Việt.</p> <p><b>19B:</b> Chỉ đạo công tác điều hành.</p> <p><b>19C:</b> Thông qua việc vay vốn tại NH Vietcombank ĐN.</p> <p><b>19D:</b> Thông qua việc vay vốn tại Viettinbank NHS – ĐN.</p> <p><b>19E:</b> Thông qua việc vay vốn tại Agribank ĐN.</p>



## BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Nguyễn Dương An	Trưởng Ban	Trưởng Ban kiểm soát từ ngày 20/05/2017	4/4	100%
2	Ông Phạm Khánh Tâm	Thành viên	Thành viên Ban kiểm soát từ ngày 20/05/2017	4/4	100%
3	Ông Trần Phước Thái	Thành viên	Thành viên Ban kiểm soát từ ngày 20/05/2017	4/4	100%



## Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung gồm 3 thành viên nhằm thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị điều hành của Công ty theo thẩm quyền. Hoạt động của Ban kiểm soát tiến hành một cách chủ động theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Nhiệm vụ năm 2017 Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp theo định kỳ nhằm thực hiện quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, thực hiện trao đổi, kiểm tra giám sát đối với hoạt động của Công ty như sau:

- ✓ Kiểm tra báo cáo tài chính quý và cả năm;
- ✓ Kiểm soát tính hợp lý, hợp pháp và trung thực trong việc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong việc ghi chép và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế trên sổ sách kế toán, báo cáo tài chính;
- ✓ Thống nhất với Hội đồng quản trị việc lựa chọn đơn vị thực hiện báo cáo kiểm toán tài chính cho năm tài chính 2017;
- ✓ Đề xuất các kiến nghị cụ thể để công ty kịp thời điều chỉnh trong hoạt động;
- ✓ Theo dõi, kiểm tra và giám sát hoạt động của ban điều hành khi thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.



## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

### Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ/Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Lê Thanh Phương	Kế toán trưởng	6.000	0,05%	-	-	Bán cổ phiếu

**Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:** Không.

### Việc thực hiện quy định về quản trị công ty

Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật và quy định nội bộ về quản trị công ty. Công ty luôn xem xét các thông lệ tốt về quản trị công ty để áp dụng sao cho phù hợp với doanh nghiệp và mang lại hiệu quả hoạt động.



**Thù lao, lương, thưởng và các khoản lợi ích**

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	Thù lao
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>		<b>316.000.000</b>
1	Thái Bá Nam	CT HĐQT	87.886.256
2	Nguyễn Hoàng Giang	Từ nhiệm HĐQT từ 01/03/2017	8.000.000
3	Nguyễn Văn Tân	TV HĐQT	69.383.886
4	Huỳnh Tô Hà	Thôi HĐQT từ 20/05/2017	20.000.000
5	Lê Mạnh Thường	TV HĐQT từ 22/07/2016, Thôi HĐQT từ 20/05/2017, TV HĐQT từ 01/10/2017	46.255.924
6	Nguyễn Đức Cảnh	TV HĐQT từ 20/05/2017, Thôi TV HĐQT từ 01/10/2017	16.000.000
7	Trần Như Thiên My	TV HĐQT từ 20/05/2017	40.473.934
8	Ngô Trí Dũng	TV HĐQT từ 20/05/2017	28.000.000
<b>II</b>	<b>Ban Kiểm soát</b>		<b>74.000.000</b>
1	Nguyễn Dương An	Trưởng BKS từ 20/05/2017	17.500.000
2	Trần Phước Thái	Trưởng BKS đến 20/5/2017, TV BKS từ 20/05 đến nay	31.417.759
3	Nguyễn Đức Cảnh	Thôi BKS từ 20/05/2017	9.166.667
4	Phạm Khánh Tâm	TV BKS từ 20/05/2017	15.915.575
<b>III</b>	<b>Thư ký Công ty</b>		<b>30.000.000</b>
1	Nguyễn Thị Hòa	Thôi Thư ký từ 30/09/2017	22.500.000
2	Nguyễn Thị Mai Trang	Thư ký Cty từ 01/10/2017	7.500.000
<b>CỘNG</b>			<b>420.000.000</b>

(\*) Ghi chú: Thù lao HĐQT, BKS thực hiện theo đúng như nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2017 đã được thông qua.





# BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2017





### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

#### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Thái Bá Nam	Chủ tịch
Bà Trần Như Thiên My	Thành viên
Ông Lê Mạnh Thường	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tân	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Dương An	Trưởng ban
Bà Phạm Khánh Tâm	Thành viên
Ông Trần Phước Thái	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Trần Như Thiên My	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Chánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG**

01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang,  
Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh Miền Trung, thành viên RSM Quốc tế.

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Trần Như Thiên My  
Tổng Giám đốc  
Đà Nẵng, ngày 12 tháng 02 năm 2018





Số: 09/BCKT/2018-RSMMT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng quản trị**  
**Các thành viên Ban Tổng Giám đốc**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG**

### Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20/01/2018 từ trang 5 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

#### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### KT. GIÁM ĐỐC



**Kim Văn Việt**  
**Phó Giám đốc**

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
1486-2018-026-1

A blue ink signature of Nguyễn Hà Trung.

**Nguyễn Hà Trung**  
**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
2444-2018-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
**Chi nhánh Miền Trung**  
*Đà Nẵng, ngày 12 tháng 02 năm 2018.*

*Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>325.470.128.172</b>	<b>356.722.425.210</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>29.172.826.905</b>	<b>27.664.167.845</b>
1. Tiền	111	4.1	29.172.826.905	27.664.167.845
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>130.248.030.443</b>	<b>149.611.375.020</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	176.252.443.262	167.986.395.597
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		264.659.417	4.914.224.050
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4.3	6.745.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	274.061.565	19.374.835.336
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(53.288.133.801)	(42.664.079.963)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.6</b>	<b>164.623.356.935</b>	<b>174.296.428.641</b>
1. Hàng tồn kho	141		164.623.356.935	174.846.403.249
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(549.974.608)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.425.913.889</b>	<b>5.150.453.704</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	86.117.500	612.215.762
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.333.740.776	2.524.876.990
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.15	6.055.613	2.013.360.952
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>124.496.784.805</b>	<b>87.011.447.769</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>31.835.282.088</b>	<b>33.315.379.459</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	28.974.807.048	30.454.904.419
Nguyên giá	222		184.196.723.596	180.503.523.691
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(155.221.916.548)	(150.048.619.272)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	2.860.475.040	2.860.475.040
Nguyên giá	228		5.062.374.111	5.062.374.111
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.201.899.071)	(2.201.899.071)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>40.864.255</b>	<b>89.090.909</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.11	40.864.255	89.090.909
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>4.9</b>	<b>92.480.183.862</b>	<b>52.776.068.201</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		62.480.183.862	22.777.183.862
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(1.115.661)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>140.454.600</b>	<b>830.909.200</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	140.454.600	830.909.200
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>449.966.912.977</b>	<b>443.733.872.979</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>305.874.889.558</b>	<b>305.292.379.819</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>305.874.889.558</b>	<b>305.292.379.819</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	10.898.799.343	8.208.735.282
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		106.578.842	1.296.180.008
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.15	314.203.992	19.070.210.477
4. Phải trả người lao động	314		10.919.254.059	6.299.372.711
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.13	522.946.293	494.885.370
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.14	2.283.307.874	3.999.936.915
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.16	279.860.641.889	265.327.211.583
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		969.157.266	595.847.473
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>144.092.023.419</b>	<b>138.441.493.160</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>4.17</b>	<b>144.092.023.419</b>	<b>138.441.493.160</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.000.000.000	120.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(101.650.000)	(101.650.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.388.233.760	11.388.233.760
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.805.439.659	7.154.909.400
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		448.749.607	93.311.473
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.356.690.052	7.061.597.927
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>449.966.912.977</b>	<b>443.733.872.979</b>



Trần Như Thiên My  
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 01 năm 2018

Lê Thanh Phương  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ánh Hà  
Người lập





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	998.601.796.960	956.050.017.067
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	4.678.417.038	1.431.953.422
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		993.923.379.922	954.618.063.645
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	919.131.803.632	912.147.146.677
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		74.791.576.290	42.470.916.968
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	14.350.898.829	16.424.417.745
7. Chi phí tài chính	22	5.5	13.044.569.201	12.765.110.181
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>12.590.167.841</i>	<i>11.363.248.983</i>
8. Chi phí bán hàng	25	5.6	13.361.107.136	15.541.592.615
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	48.867.122.162	55.723.095.911
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.869.676.620	(25.134.463.994)
11. Thu nhập khác	31	5.8	563.901.503	34.245.585.188
12. Chi phí khác	32	5.9	69.582.732	208.329.878
13. Lợi nhuận khác	40		494.318.771	34.037.255.310
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.363.995.391	8.902.791.316
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	2.007.305.339	1.841.193.389
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.356.690.052	7.061.597.927
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.030	538
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		1.030	538



Trần Như Thiên My  
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 01 năm 2018

Lê Thanh Phương  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Anh Hà  
Người lập



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		989.146.148.129	972.408.198.282
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(867.180.474.105)	(958.838.646.396)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(59.820.012.155)	(63.758.782.638)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(12.556.879.931)	(11.325.349.086)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	(4.908.886.484)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		11.840.665.254	33.874.280.838
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(18.097.054.430)	(70.773.947.274)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>43.332.392.762</b>	<b>(103.323.132.758)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.054.942.760)	(6.744.084.675)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		82.272.727	11.183.510.000
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(8.245.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.500.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(39.703.000.000)	(24.554.116.201)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	14.600.325.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.971.941.533	45.320.704
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(50.448.728.500)</b>	<b>(5.469.045.172)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	20.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	818.327.785.847	989.921.922.964
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(803.777.887.006)	(938.766.653.951)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.028.969.555)	(9.580.308.800)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>8.520.929.286</b>	<b>61.574.960.213</b>
<b>LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>50</b>		<b>1.404.593.548</b>	<b>(47.217.217.717)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		27.664.167.845	74.754.782.132
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		104.065.512	126.603.430
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>29.172.826.905</b>	<b>27.664.167.845</b>



Trần Như Thiên My,  
Tổng Giám đốc  
Đà Nẵng, ngày 20 tháng 01 năm 2018

Lê Thanh Phương  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ánh Hà  
Người lập



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở sở hữu cổ phần hóa Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung theo Quyết định số 774/QĐ - BTS ngày 28/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400100778 ngày 14/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 18 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 08/03/2017.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 120.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam	Việt Nam	43.675.380.000	36%	43.675.380.000	36%
Các đối tượng khác	Việt Nam	76.324.620.000	64%	76.324.620.000	64%
<b>Cộng</b>		<b>120.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là: 584 (01 tháng 01 năm 2017 là: 797).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Thương mại, sản xuất và chế biến thủy hải sản.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Chế biến, bảo quản thủy hải sản và các sản phẩm từ thủy sản: Chế biến thủy, hải sản xuất khẩu;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi chở xuống);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán ô tô, xe máy;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm);



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô, xe máy;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu: Đầu tư tài chính;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bốc xếp hàng hóa đường bộ;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đầu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh bất động sản; Cho thuê kho; Cho thuê nhà và văn phòng.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có công ty liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
<b>Công ty liên doanh, liên kết:</b>				
Công ty CP Đầu tư New City Seadanang	31 Ngũ Hành Sơn, P. An, Q. Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng	33,33%	33,33%	33,33%

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2017 gồm:

Tên	Địa chỉ
Công ty Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Thọ Quang	Khu công nghiệp Đà Nẵng - Phường Thọ Quang, Sơn Trà, Đà Nẵng
Công ty Phát triển Nguồn lợi Thủy sản	Lô 7A - Khu công nghiệp Điện Nam Điện Ngọc - Quảng Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung tại Thành phố Hồ Chí Minh	166 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH****2.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1. Ngoại tệ**

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

**3.2. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****3.4. Đầu tư tài chính****Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác***Đầu tư vào công ty liên kết*

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

*Đầu tư khác*

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

***Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính****Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn*

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228), Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

*Đối với các khoản đầu tư khác*

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228), Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 và Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

**3.5. Nợ phải thu****Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ với các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*****Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi***

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.6. Hàng tồn kho*****Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

***Phương pháp hạch toán hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****3.7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ.

***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<b><u>Năm 2017</u></b>	
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25	năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 12	năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 07	năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06	năm

**3.8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

***Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình******Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng đất diện tích đất tại phường 6, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam trong 7 năm, diện tích 3078 m<sup>2</sup>. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

**3.9. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ; chi phí sửa chữa, bảo dưỡng... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

**3.10. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**3.11. Chi phí đi vay*****Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay***

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**3.12. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Chi phí phải trả của Công ty là chi phí lãi vay, chi phí vận chuyển chưa có hóa đơn và chi phí hỗ trợ đạt doanh số. Chi phí lãi vay được xác định theo số nợ gốc còn lại cho số ngày chưa tính lãi và lãi suất qui định. Chi phí hỗ trợ đạt doanh số được xác định dựa trên doanh số bán hàng đạt được của từng đại lý. Chi phí vận chuyển được xác định theo bảng kê chi phí vận chuyển có xác nhận giữa hai bên.

**3.13. Nguồn vốn chủ sở hữu*****Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****3.14. Doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

***Thu nhập khác***

Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

**3.15. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

**3.16. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**3.17. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn và lỗ chênh lệch tỷ giá.

**3.18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

**3.19. Thuế*****Thuế thu nhập doanh nghiệp******Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và các mức thuế suất tính thuế TNDN như sau:

- Áp dụng mức thuế suất 15% đối với thu nhập từ chế biến trong lĩnh vực thủy sản;
- Áp dụng mức thuế suất 20% đối với các thu nhập khác.

***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Áp dụng mức thuế suất 0% đối với hoạt động xuất khẩu;
- Áp dụng mức thuế suất 5% đối với hoạt động bán hải sản trong nước;
- Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động mua bán vật tư và cho thuê kho;
- Các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất theo quy định.

***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**3.20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.22. Công cụ tài chính*****Ghi nhận ban đầu******Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và phải thu về cho vay.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay chi phí phải trả.

*Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**4.1. Tiền**

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Ngoại tệ	VND	Ngoại tệ	VND
Tiền mặt tại quỹ		89.416.685		59.027.500
VND		89.416.685		59.027.500
Tiền gửi ngân hàng		29.083.410.220		27.605.140.345
+ VND		23.270.414.999		6.490.859.409
+ USD	256.435,77 #	5.812.995.221	927.801,61 #	21.114.280.936
<b>Cộng</b>		<b>29.172.826.905</b>		<b>27.664.167.845</b>

**4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
	VND	VND
Phải thu khách hàng	176.231.685.615	167.986.395.597
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đức Quân	23.980.435.650	45.402.726.883
- Công ty CP Inox Hòa Bình	32.130.416.195	32.833.696.263
- Marubeni Corporation Co., Ltd	11.076.341.303	7.350.043.378
- Kyokyo Co., Ltd	17.092.048.206	-
- Công ty CP Đầu tư 3GR	23.986.810.400	5.771.224.500
- Các đối tượng khác	67.965.633.861	76.628.704.573
Phải thu khách hàng là bên liên quan - xem thêm mục 8	20.757.647	-
<b>Cộng</b>	<b>176.252.443.262</b>	<b>167.986.395.597</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 4.3. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công ty CPĐT và PT BĐS An Phú - Nha Trang	6.745.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>6.745.000.000</b>	<b>-</b>

## 4.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	28.026.517	-	101.512.074	-
Thuế nhập khẩu 275 ngày	61.463.974	-	18.995.212.269	-
Chi phí liên quan đến Tòa án	110.545.232	-	-	-
Phải thu khác	74.025.842	-	278.110.993	-
<b>Cộng</b>	<b>274.061.565</b>	<b>-</b>	<b>19.374.835.336</b>	<b>-</b>

## 4.5. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu ngắn hạn quá hạn thanh toán	53.397.033.701	108.899.900	54.102.507.108	11.438.427.145
<b>Cộng</b>	<b>53.397.033.701</b>	<b>108.899.900</b>	<b>54.102.507.108</b>	<b>11.438.427.145</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì các khoản nợ này đã tồn tại lâu và chưa thu hồi được.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG**01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang,  
Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2017			Tại ngày 01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Inox Đại Phát	2.248.000.000	-	Trên 3 năm	2.269.026.094	1.588.318.266	Từ 2-3 năm
Công ty CP Inox Hòa Bình	32.130.416.195	-	Trên 3 năm	32.833.696.263	9.850.108.879	Từ 2-3 năm
Công ty TNHH Hà Đức	3.812.860.589	-	Trên 3 năm	4.731.440.752	-	Trên 3 năm
Công ty CP Sản xuất Phú Lâm	9.994.961.290	-	Trên 3 năm	9.994.961.290	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Giấy Quốc Quốc Trung	464.679.060	-	Trên 3 năm	-	-	-
Công ty TNHH SX-TM DV Nguyễn Phương	217.799.800	108.899.900	Từ 1-2 năm	-	-	-
Seatraco Co.,Ltd	1.540.050.033	-	Phá sản	-	-	-
Các đối tượng khác	2.988.266.734	-		4.273.382.709	-	-
<b>Cộng</b>	<b>53.397.033.701</b>	<b>108.899.900</b>		<b>54.102.507.108</b>	<b>11.438.427.145</b>	





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.6. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	7.904.086.579	-	5.257.500.918	-
Công cụ, dụng cụ	109.843.080	-	101.241.287	-
Chi phí SX, KD dở dang	156.053.658.261	-	162.824.302.342	-
Thành phẩm	251.881.740	-	290.785.625	-
Hàng hóa	303.887.275	-	6.372.573.077	549.974.608
<b>Cộng</b>	<b>164.623.356.935</b>	<b>-</b>	<b>174.846.403.249</b>	<b>549.974.608</b>

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm.  
 Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại thời điểm cuối năm là 152.664.349.491 đồng.

**4.7. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí bảo hiểm	-	102.232.000
Chi phí thuê đất	12.000.000	262.428.833
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	22.137.500	247.554.929
Chi phí in lịch	51.980.000	-
<b>Cộng</b>	<b>86.117.500</b>	<b>612.215.762</b>
Dài hạn:		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	140.454.600	280.909.200
Chi phí thuê kho	-	550.000.000
<b>Cộng</b>	<b>140.454.600</b>	<b>830.909.200</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiền vận tài truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2017	69.368.389.463	106.201.041.127	3.683.773.030	1.250.320.071	180.503.523.691
Mua trong năm	-	4.572.287.904	-	39.076.300	4.611.364.204
Đ/từ XDCB h/thành	1.937.685.600	-	-	-	1.937.685.600
Thanh lý, nhượng bán	(34.775.000)	(2.747.509.149)	-	(73.565.750)	(2.855.849.899)
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>71.271.300.063</b>	<b>108.025.819.882</b>	<b>3.683.773.030</b>	<b>1.215.830.621</b>	<b>184.196.723.596</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2017	50.891.211.857	94.874.426.361	3.622.939.698	660.041.356	150.048.619.272
Khấu hao trong năm	3.549.939.042	4.203.481.407	48.666.667	212.208.236	8.014.295.352
Thanh lý, nhượng bán	(19.923.177)	(2.747.509.149)	-	(73.565.750)	(2.840.998.076)
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>54.421.227.722</b>	<b>96.330.398.619</b>	<b>3.671.606.365</b>	<b>798.683.842</b>	<b>155.221.916.548</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2017	18.477.177.606	11.326.614.766	60.833.332	590.278.715	30.454.904.419
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>16.850.072.341</b>	<b>11.695.421.263</b>	<b>12.166.665</b>	<b>417.146.779</b>	<b>28.974.807.048</b>

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thẻ chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 18.080.061.451 đồng.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 126.312.736.494 đồng.

Không có TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG**01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang,  
Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.9. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào Cty liên doanh, liên kết				
Công ty CP Đầu tư New City Seadanang	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>-</b>
Đầu tư vào đơn vị khác				
NH TMCP XNK Việt Nam (EIB) (8.528 cổ phiếu)	77.867.661	107.879.200	77.867.661	76.752.000
Công ty CP Long Hậu (LHG) (2.431.000 cổ phiếu)	37.402.316.201	41.327.000.000	22.699.316.201	23.595.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển BĐS An Phú	25.000.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>62.480.183.862</b>	<b>41.434.879.200</b>	<b>22.777.183.862</b>	<b>23.671.752.000</b>

Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Long Hậu và Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư New City Seadanang và Công ty CP Đầu tư và Phát triển BĐS An Phú để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.10. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2017	5.062.374.111	5.062.374.111
Mua trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>5.062.374.111</b>	<b>5.062.374.111</b>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2017	2.201.899.071	2.201.899.071
Khấu hao trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>2.201.899.071</b>	<b>2.201.899.071</b>
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2017	2.860.475.040	2.860.475.040
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>2.860.475.040</b>	<b>2.860.475.040</b>

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 2.860.475.040 đồng.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.201.899.071 đồng.

**4.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Di dời kho lạnh 31 Ngũ Hành Sơn	-	89.090.909
Chi phí mở rộng khu tiếp nhận	40.864.255	-
<b>Cộng</b>	<b>40.864.255</b>	<b>89.090.909</b>





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Nhựa ABC	593.368.534	593.368.534	367.529.998	367.529.998
Công ty CP Đông Á	1.011.222.960	1.011.222.960	660.784.960	660.784.960
Castlerock Fisheries PVT.Ltd	-	-	2.321.561.372	2.321.561.372
Marubeni Corporation Co.,Ltd	1.362.176.164	1.362.176.164	805.677.600	805.677.600
Cochin Frozen Food Exports PVT.Ltd	4.562.096.040	4.562.096.040	-	-
Phải trả khác	3.369.935.645	3.369.935.645	4.053.181.352	4.053.181.352
<b>Cộng</b>	<b>10.898.799.343</b>	<b>10.898.799.343</b>	<b>8.208.735.282</b>	<b>8.208.735.282</b>

**4.13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
	VND	VND
Lãi vay dự trả	182.800.000	149.512.090
Trích trước phí kiểm toán	55.000.000	55.000.000
Trích trước cước vận chuyển xuất hàng, hàng NL nội địa	69.766.700	46.411.200
Trích trước chi phí bốc xếp thuê kho, sửa chữa	-	75.845.810
Chi phí hỗ trợ doanh số	89.926.593	168.116.270
Chi trợ cấp thôi việc, phí kiểm mẫu	125.453.000	-
<b>Cộng</b>	<b>522.946.293</b>	<b>494.885.370</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.14. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Kinh phí công đoàn	516.590.067	211.544.077
Bảo hiểm xã hội, y tế	-	951.024.321
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	248.714.615	277.684.170
Công ty Phú Lâm	1.000.000.000	1.000.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	280.000.000	1.230.120.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	238.003.192	329.564.347
<b>Cộng</b>	<b>2.283.307.874</b>	<b>3.999.936.915</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG**01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang,  
Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.15. Thuế và các khoản phải thu/nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2017		Trong năm		Tại ngày 31/12/2017	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT đầu ra	-	-	23.514.720.507	23.514.720.507	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	9.267.198.595	9.267.198.595	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	18.958.374.195	1.124.903.555	20.052.545.765	-	30.731.985
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.013.360.952	-	2.007.305.339	-	6.055.613	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	111.836.282	743.214.616	571.578.891	-	283.472.007
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	1.329.468.156	1.329.468.156	-	-
Các loại thuế khác	-	-	27.665.220	27.665.220	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.013.360.952</b>	<b>19.070.210.477</b>	<b>38.014.475.988</b>	<b>54.763.177.134</b>	<b>6.055.613</b>	<b>314.203.992</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG**

01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang,  
Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.16. Vay và nợ thuê tài chính**

	Tại ngày 31/12/2017		Trong năm		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND		VND		VND	
- Vay ngắn hạn (VND)	232.323.383.819	232.323.383.819	496.112.182.878	410.065.971.355	146.277.172.296	146.277.172.296
+ Ngân hàng TM CP Công thương - Ngũ Hành Sơn	48.660.687.678	48.660.687.678	155.541.685.534	166.850.265.786	59.969.267.930	59.969.267.930
+ Ngân hàng NN & PTNT Đà Nẵng	67.950.290.059	67.950.290.059	90.434.393.867	54.452.746.140	31.968.642.332	31.968.642.332
+ Ngân hàng Ngoại Thương ĐN	115.712.406.082	115.712.406.082	241.780.726.157	180.407.582.109	54.339.262.034	54.339.262.034
+ Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - CN Hà Nội	-	-	8.355.377.320	8.355.377.320	-	-
- Vay ngắn hạn (USD)	47.537.258.070	47.537.258.070	322.215.602.969	393.728.384.186	119.050.039.287	119.050.039.287
+ Ngân hàng TM CP Công thương - Ngũ Hành Sơn	13.929.254.078	13.929.254.078	137.458.067.178	167.076.365.386	43.547.552.286	43.547.552.286
+ Ngân hàng NN & PTNT Đà Nẵng	20.913.520.244	20.913.520.244	72.501.998.912	87.500.184.407	35.911.705.739	35.911.705.739
+ Ngân hàng Ngoại Thương ĐN	12.694.483.748	12.694.483.748	112.255.536.879	139.151.834.393	39.590.781.262	39.590.781.262
<b>Cộng</b>	<b>279.860.641.889</b>	<b>279.860.641.889</b>	<b>818.327.785.847</b>	<b>803.794.355.541</b>	<b>265.327.211.583</b>	<b>265.327.211.583</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG**

01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang,

Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.17. Vốn chủ sở hữu****4.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND		
Tại ngày 01/01/2016	100.000.000.000	(51.650.000)	11.388.233.760	10.363.210.555	121.699.794.315	
Tăng vốn trong năm trước	20.000.000.000	-	-	-	20.000.000.000	
Lãi trong năm trước	-	-	-	7.061.597.927	7.061.597.927	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(669.899.082)	(669.899.082)	
Chi phí tăng vốn	-	(50.000.000)	-	-	(50.000.000)	
Trả cổ tức	-	-	-	(9.600.000.000)	(9.600.000.000)	
Số dư tại ngày 01/01/2017	120.000.000.000	(101.650.000)	11.388.233.760	7.154.909.400	138.441.493.160	
Lãi trong năm nay	-	-	-	12.356.690.052	12.356.690.052	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(706.159.793)	(706.159.793)	
Trả cổ tức	-	-	-	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)	
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>(101.650.000)</b>	<b>11.388.233.760</b>	<b>12.805.439.659</b>	<b>144.092.023.419</b>	



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.17.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Vốn góp của Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam	43.675.380.000	43.675.380.000
Vốn góp của các cổ đông khác	76.324.620.000	76.324.620.000
<b>Cộng</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>120.000.000.000</b>

**4.17.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn góp tại ngày đầu năm	120.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	20.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
<b>Vốn góp tại ngày cuối năm</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>120.000.000.000</b>

**4.17.4. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.000.000	12.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.000.000	12.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.17.5. Các quỹ của doanh nghiệp**

	<b>Quỹ đầu tư phát triển trên VND</b>
Tại ngày 01/01/2017	11.388.233.760
Trích trong năm	-
Chi trong năm	-
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>11.388.233.760</b>

**4.17.6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Năm 2017 VND</b>	<b>Năm 2016 VND</b>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.356.690.052	7.061.597.927
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	706.159.793
Lãi /(Lỗ) sau thuế để tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.356.690.052	6.355.438.134
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	12.000.000	11.819.672
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.030</b>	<b>538</b>

**4.17.7. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	<b>Năm 2017 VND</b>	<b>Năm 2016 VND</b>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.356.690.052	7.061.597.927
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	706.159.793
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm LNST	-	-
Lãi /(Lỗ) để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	12.356.690.052	6.355.438.134
Số lượng CP phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.000.000	11.819.672
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng CP để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	12.000.000	11.819.672
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.030</b>	<b>538</b>

Lãi cơ bản/ lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2016 được tính lại trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi. Lãi cơ bản/ lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2017 được tính dựa trên toàn bộ lợi nhuận sau thuế chưa trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi (do điều lệ và Nghị quyết chưa quy định tỷ lệ trích lập).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	Tại ngày 31/12/2017 USD	Tại ngày 01/01/2017 USD
Ngoại tệ các loại USD	256.435,77	927.801,61
	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Nợ khó đòi đã xử lý: Lâm Quốc Việt - Xóa sổ do tồn đọng lâu	1.255.115.975	-

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu:	998.601.796.960	956.050.017.067
Doanh thu hải sản	785.604.784.353	553.839.175.789
Doanh thu vật tư hàng hóa	177.319.173.643	355.752.710.601
Doanh thu sản xuất thức ăn tôm, cá gia súc	23.155.352.300	30.556.529.700
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.522.486.664	15.901.600.977
<b>Cộng</b>	<b>998.601.796.960</b>	<b>956.050.017.067</b>
Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan - Xem thêm mục 8	180.892.650	-

**5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chiết khấu thương mại	306.797.858	-
Giảm giá hàng bán	112.400.000	-
Hàng bán bị trả lại	4.259.219.180	1.431.953.422
<b>Cộng</b>	<b>4.678.417.038</b>	<b>1.431.953.422</b>





**BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.3. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn hải sản	722.568.536.215	534.876.600.231
Giá vốn vật tư hàng hóa	173.249.309.067	349.243.689.059
Giá vốn sản xuất thức ăn tôm, cá gia súc	18.598.934.212	24.296.934.924
Giá vốn cung cấp dịch vụ	4.715.024.138	4.261.392.230
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(531.469.767)
<b>Cộng</b>	<b>919.131.803.632</b>	<b>912.147.146.677</b>

**5.4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	21.941.533	45.320.704
Lãi bán các khoản đầu tư	-	9.885.655.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.950.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	2.332.298.853	1.684.816.196
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	143.134.977	-
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	9.903.523.466	4.808.625.845
<b>Cộng</b>	<b>14.350.898.829</b>	<b>16.424.417.745</b>

**5.5. Chi phí tài chính**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	12.590.167.841	11.363.248.983
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	88.557.610	167.747.390
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	365.843.750	1.013.559.996
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư	-	220.553.812
<b>Cộng</b>	<b>13.044.569.201</b>	<b>12.765.110.181</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.6. Chi phí bán hàng**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	332.996.577	364.558.768
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	13.028.110.559	14.992.833.428
Các khoản chi phí bán hàng khác	-	184.200.419
<b>Cộng</b>	<b>13.361.107.136</b>	<b>15.541.592.615</b>

**5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	26.225.606.879	22.536.513.155
Chi phí đồ dùng văn phòng	684.358.040	1.971.556.856
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	11.879.169.813	22.929.100.156
Chi phí khấu hao TSCĐ	588.345.451	622.019.382
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.489.641.979	7.663.906.362
<b>Cộng</b>	<b>48.867.122.162</b>	<b>55.723.095.911</b>

**5.8. Thu nhập khác**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	67.420.904	9.645.215.324
Thu nhập khác	496.480.599	434.388.188
Lợi nhuận từ đầu tư vốn	-	24.165.981.676
<b>Cộng</b>	<b>563.901.503</b>	<b>34.245.585.188</b>

**5.9. Chi phí khác**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Các khoản phạt hành chính, phạt thuế khác	57.402.549	157.378.957
Các khoản khác	12.180.183	50.950.921
<b>Cộng</b>	<b>69.582.732</b>	<b>208.329.878</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.363.995.391	8.902.791.316
Cộng:	872.151.631	260.528.465
- Các khoản phạt thuế và nộp phạt khác	57.402.549	
- Thủ lao HĐQT không kiêm nhiệm	576.094.214	232.800.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá kỳ trước đánh giá lại cuối kỳ	149.822.136	13.428.465
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	88.832.732	14.300.000
Trừ:	2.070.066.091	149.822.136
- Cổ tức lợi nhuận được chia	1.950.000.000	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	120.066.091	149.822.136
Tổng thu nhập chịu thuế	13.166.080.931	9.013.497.645
- Thu nhập được hưởng ưu đãi thuế	14.080.232.823	(28.683.065.229)
- Thu nhập của hoạt động khác	(914.151.892)	28.490.595.929
- Thu nhập của chuyển nhượng bất động sản	-	9.205.966.945
Thuế suất thuế TNDN hoạt động ưu đãi	15%	15%
Thuế suất thuế TNDN hoạt động khác	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.974.912.140	1.841.193.389
- Thuế TNDN của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế	1.974.912.140	-
- Thuế TNDN của chuyển nhượng bất động sản	-	1.841.193.389
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.007.305.339</b>	<b>1.841.193.389</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm này	1.974.912.140	1.841.193.389
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm này	32.393.199	-

**5.11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	654.243.451.170	577.560.113.365
Chi phí nhân công	82.595.902.737	72.593.426.446
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.014.295.352	10.355.692.308
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.483.638.213	39.210.115.087
Chi phí khác bằng tiền	4.084.718.612	4.147.469.857
<b>Cộng</b>	<b>789.422.006.084</b>	<b>703.866.817.063</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**

**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	818.327.785.847	989.921.922.964
<b>Cộng</b>	<b><u>818.327.785.847</u></b>	<b><u>989.921.922.964</u></b>

**6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	803.777.887.006	938.766.653.951
<b>Cộng</b>	<b><u>803.777.887.006</u></b>	<b><u>938.766.653.951</u></b>

**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.









**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG**

01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang,

Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/17

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý	Vấn phòng			Loại trừ			Tổng cộng	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
Doanh thu bộ phận	934.264.258.374	849.314.302.212	(91.873.789.447)	(211.474.661.263)	993.923.379.922	993.923.379.922	993.923.379.922	993.923.379.922
- Từ khách hàng bên ngoài	842.390.468.927	637.839.640.949	-	-	993.923.379.922	993.923.379.922	993.923.379.922	993.923.379.922
- Giữa các bộ phận	91.873.789.447	211.474.661.263	(91.873.789.447)	(211.474.661.263)	-	-	-	-
Chi phí bộ phận	926.798.268.306	887.350.388.087	(91.873.789.447)	(211.474.661.263)	981.360.032.930	981.360.032.930	981.360.032.930	981.360.032.930
- Từ khách hàng bên ngoài	834.924.478.659	675.875.726.824	-	-	981.360.032.930	981.360.032.930	981.360.032.930	981.360.032.930
- Giữa các bộ phận	91.873.789.447	211.474.661.263	(91.873.789.447)	(211.474.661.263)	-	-	-	-
Lãi (lỗ) hoạt động KD	7.465.990.068	(38.036.085.875)	-	-	12.563.346.992	(28.793.771.558)	12.563.346.992	(28.793.771.558)
Lãi (lỗ) hơ tài chính khác	14.204.449.357	15.464.506.809	(2.573.955.815)	(3.775.860.118)	13.896.497.469	13.896.497.469	13.896.497.469	13.896.497.469
Lãi vay	12.590.167.841	11.340.699.683	(2.573.955.815)	(3.775.860.118)	12.590.167.841	12.590.167.841	12.590.167.841	12.590.167.841
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính	1.614.281.516	4.123.807.126	-	-	1.306.329.628	3.659.307.564	1.306.329.628	3.659.307.564
Thu nhập khác	322.009.595	34.219.379.002	(13.488.187)	-	563.901.503	34.245.585.188	563.901.503	34.245.585.188
Chi phí khác	69.079.117	192.778.957	(13.488.187)	-	69.582.732	208.329.878	69.582.732	208.329.878
Lãi (lỗ) hoạt động khác	252.930.478	34.026.600.045	-	-	494.318.771	34.037.255.310	494.318.771	34.037.255.310
Lợi nhuận trước thuế	9.333.202.062	114.321.296	-	-	14.363.995.391	8.902.791.316	14.363.995.391	8.902.791.316
Thuế TNDN	2.007.305.339	1.841.193.389	-	-	2.007.305.339	1.841.193.389	2.007.305.339	1.841.193.389
Lợi nhuận sau thuế TNDN	7.325.896.723	(1.726.872.093)	-	-	12.356.690.052	7.061.597.927	12.356.690.052	7.061.597.927
<b>Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý</b>	<b>Vấn phòng</b>	<b>Loại trừ</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>Tổng cộng</b>
	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017
- Tài sản ngắn hạn	312.725.040.246	344.398.412.761	(18.356.184.193)	(34.985.858.543)	325.470.128.172	356.722.425.210	325.470.128.172	356.722.425.210
- Tài sản dài hạn	118.246.980.190	79.508.698.845	-	-	124.496.784.805	87.011.447.769	124.496.784.805	87.011.447.769
Tổng tài sản	430.972.020.436	423.907.111.606	(18.356.184.193)	(34.985.858.543)	449.966.912.977	443.733.872.979	449.966.912.977	443.733.872.979
- Nợ ngắn hạn	303.829.054.419	302.419.425.050	(18.356.184.193)	(34.985.858.543)	305.874.889.558	305.292.379.819	305.874.889.558	305.292.379.819
- Nợ dài hạn	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ	303.829.054.419	302.419.425.050	(18.356.184.193)	(34.985.858.543)	305.874.889.558	305.292.379.819	305.874.889.558	305.292.379.819
Khấu hao	6.780.952.068	9.065.147.783	-	-	8.014.295.352	10.355.692.308	8.014.295.352	10.355.692.308
Mua sắm tài sản	6.549.049.804	6.744.084.675	-	-	6.549.049.804	6.744.084.675	6.549.049.804	6.744.084.675



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan**

1. Công ty CP Đầu tư New City Seadanang
2. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

**Mối quan hệ**

- Công ty liên kết  
Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu:		
Công ty CP Đầu tư New City Seadanang	20.757.647	-
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.2</b>	<b>20.757.647</b>	<b>-</b>

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thuê kho Công ty CP Đầu tư New City Seadanang	450.000.000	1.100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>450.000.000</b>	<b>1.100.000.000</b>

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Công ty CP Đầu tư New City Seadanang:		
Bán hàng - Xem thêm mục 5.1	12.377.143	-
Cho thuê văn phòng, điện nước - Xem thêm mục 5.1	168.515.507	-
Cho vay tiền	1.500.000.000	-
Thu lại tiền cho vay	1.500.000.000	-

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.188.348.871	1.464.356.496
Thù lao Hội đồng quản trị	316.000.000	329.800.000



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thủ lao Ban kiểm soát	74.000.000	40.333.333

**10. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản vay, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Công ty.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Công ty có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.
- Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Công ty có thể có các rủi ro thị trường sau:

- + Rủi ro lãi suất
- + Rủi ro tiền tệ

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng quản trị của Công ty đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Công ty. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất.
- Công ty có thể đầu tư cổ phiếu và các công cụ tương tự chỉ trong trường hợp có tiền nhàn rỗi tạm thời và các giao dịch này phải được HĐQT phê duyệt.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
<b>Tài sản tài chính:</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.172.826.905	27.664.167.845
Phải thu khách hàng	122.964.309.461	125.322.315.634
Phải thu khác	246.035.048	19.217.865.297
Phải thu về cho vay	6.745.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>159.128.171.414</b>	<b>172.204.348.776</b>
<b>Công nợ tài chính:</b>		
Các khoản vay	279.860.641.889	265.327.211.583
Phải trả người bán	10.898.799.343	8.208.735.282
Phải trả khác	1.766.717.807	2.837.368.517
Chi phí phải trả	522.946.293	494.885.370
<b>Cộng</b>	<b>293.049.105.332</b>	<b>276.868.200.752</b>

Công ty kiểm soát rủi ro tín dụng bằng cách xác định hạn mức rủi ro cho từng khách hàng. Công ty đang áp dụng chính sách chỉ giao dịch với khách hàng đáng tin cậy về mặt tín dụng. Không có những tập trung quan trọng về rủi ro tín dụng. Rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty có thể gánh chịu được tóm tắt trong bảng dưới đây:

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu khách hàng, phải thu khác và phải thu về cho vay	129.955.344.509	144.540.180.931
<b>Cộng</b>	<b>129.955.344.509</b>	<b>144.540.180.931</b>

Công ty không nắm giữ các thế chấp cho các khoản phải thu. Tất cả các khoản phải thu quá hạn đều được đánh giá tổn thất một cách phù hợp. Thuyết minh 4.5 cung cấp những phân tích về dự phòng phải thu khó đòi.

**Rủi ro thanh khoản**

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.363.995.391	8.902.791.316
Cộng:	872.151.631	260.528.465
- Các khoản phạt thuế và nộp phạt khác	57.402.549	
- Thù lao HĐQT không kiêm nhiệm	576.094.214	232.800.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá kỳ trước đánh giá lại cuối kỳ	149.822.136	13.428.465
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	88.832.732	14.300.000
Trừ:	2.070.066.091	149.822.136
- Cổ tức lợi nhuận được chia	1.950.000.000	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	120.066.091	149.822.136
Tổng thu nhập chịu thuế	13.166.080.931	9.013.497.645
- Thu nhập được hưởng ưu đãi thuế	14.080.232.823	(28.683.065.229)
- Thu nhập của hoạt động khác	(914.151.892)	28.490.595.929
- Thu nhập của chuyển nhượng bất động sản	-	9.205.966.945
Thuế suất thuế TNDN hoạt động ưu đãi	15%	15%
Thuế suất thuế TNDN hoạt động khác	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.974.912.140	1.841.193.389
- Thuế TNDN của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế	1.974.912.140	-
- Thuế TNDN của chuyển nhượng bất động sản	-	1.841.193.389
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.007.305.339</b>	<b>1.841.193.389</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm này	1.974.912.140	1.841.193.389
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm này	32.393.199	-

**5.11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	654.243.451.170	577.560.113.365
Chi phí nhân công	82.595.902.737	72.593.426.446
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.014.295.352	10.355.692.308
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.483.638.213	39.210.115.087
Chi phí khác bằng tiền	4.084.718.612	4.147.469.857
<b>Cộng</b>	<b>789.422.006.084</b>	<b>703.866.817.063</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	818.327.785.847	989.921.922.964
<b>Cộng</b>	<b>818.327.785.847</b>	<b>989.921.922.964</b>

**6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	803.777.887.006	938.766.653.951
<b>Cộng</b>	<b>803.777.887.006</b>	<b>938.766.653.951</b>

**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

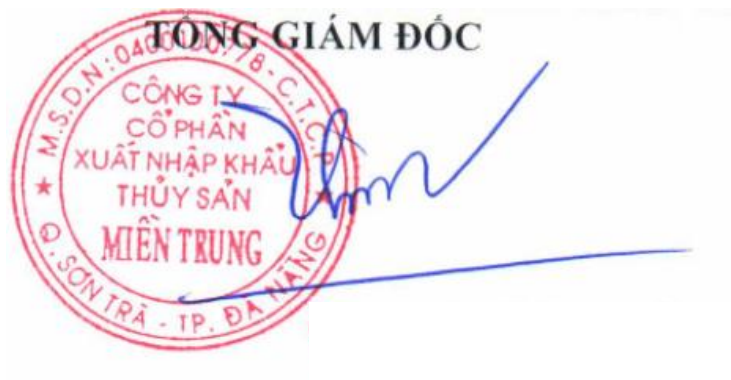


## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

*Tp. Đà Nẵng, ngày 09 tháng 03 năm 2018*

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



**TRẦN NHƯ THIÊN MỸ**